

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

NGUYỄN KIM GIANG

**CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN
TỔ TỤNG DÂN SỰ**

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI 2015

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT

NGUYỄN KIM GIANG

**CẤP, TỔNG ĐẠT, THÔNG BÁO VĂN BẢN
TỔ TỤNG DÂN SỰ**

Chuyên ngành : Luật Dân sự

Mã số : 60 38 01 03

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Cán bộ hướng dẫn khoa học: TS. Nguyễn Công Bình

HÀ NỘI 2015

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học của riêng tôi. Các số liệu, ví dụ và trích dẫn trong luận văn đảm bảo độ tin cậy, chính xác và trung thực. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất kỳ công trình nào khác.

TÁC GIẢ LUẬN VĂN

Nguyễn Kim Giang

BẢNG CHỮ VIẾT TẮT

BLTTDS	: Bộ luật Tố tụng dân sự
LTHADS	: LTHADS dân sự
TAND	: Tòa án nhân dân
TANDTC	: Tòa án nhân dân tối cao
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân
THA	: Thi hành án
THADS	: Thi hành án dân sự
UBND	: Ủy ban nhân dân
VBTTDS	: Văn bản tố tụng dân sự
VKSND	: Viện kiểm sát nhân dân

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài	2
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài	3
5. Phương pháp nghiên cứu đề tài	3
6. Điểm mới của luận văn và ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài	4
7. Kết cấu của luận văn.....	4
Chương 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	6
1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	6
1.1.1. Khái niệm cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự	6
1.1.2. Ý nghĩa của cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự.....	12
1.2. CƠ SỞ CỦA VIỆC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	14
1.2.1. Cơ sở lý luận của việc pháp luật quy định cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự.....	14
1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc pháp luật quy định cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự	15
1.3. CÁC YÊU CẦU CỦA VIỆC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	15
1.3.1. Yêu cầu tuân thủ pháp luật trong việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự.....	16
1.3.2. Yêu cầu khách quan trong việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự	16

1.4. SƠ LƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY.....	18
1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989.....	18
1.4.2. Giai từ năm 1989 đến năm 2004	20
1.4.3. Giai từ năm 2004 đến nay.....	21
Chương 2: THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ	25
2.1. CHỦ THỂ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ	25
2.1.1. Chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự.....	25
2.1.2. Chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự.....	29
2.2. CÁC VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ ĐƯỢC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO	31
2.2.1. Các văn bản tố tụng dân sự do Tòa án cấp, tổng đạt và thông báo	32
2.2.2. Các văn bản tố tụng dân sự do Viện kiểm sát cấp, tổng đạt và thông báo.....	34
2.2.3. Các văn bản tố tụng dân sự do Cơ quan thi hành án dân sự cấp, tổng đạt và thông báo	36
2.2.4. Các văn bản tố tụng dân sự do Văn phòng thừa phát lại cấp, tổng đạt và thông báo	38
2.3. THỦ TỤC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ	41
2.3.1. Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp	41
2.3.2. Thủ tục niêm yết công khai	50
2.3.3. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng	56
Chương 3:.....	61

THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ.....	61
3.1. THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ.....	61
3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự	61
3.1.2. Những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện.....	62
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ	71
3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự.....	71
3.2.2. Kiến nghị về thực hiện pháp luật cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự.....	75
KẾT LUẬN	78
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	79

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của việc nghiên cứu đề tài

Trong giai đoạn hiện nay, việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một xu thế tất yếu khách quan. Để thực hiện được điều này, một trong những yếu tố cần thiết đó là phải có một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, phù hợp, đáp ứng được nhu cầu thực tiễn đặt ra. Muốn như vậy thì mỗi ngành luật, mỗi chế định, mỗi quy định pháp luật cũng cần phải được xây dựng sao cho ngày càng hoàn hảo hơn, đảm bảo lợi ích của người dân cũng như lợi ích chung của toàn xã hội.

Cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự (VBTTDS) là một phần rất quan trọng trong hoạt động tư pháp: hoạt động xét xử và thi hành án (THA). Nó chính là “chiếc cầu nối” giữa các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan trong quá trình xét xử, thi hành án dân sự (THADS). Chính vì vậy, hiện nay có khá nhiều văn bản pháp luật quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để đảm bảo hiệu quả của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS như Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS), Luật Thi hành án dân sự (LTHADS), các văn bản hướng dẫn thi hành BLTTDS, LTHADS... Tuy nhiên, thực tiễn áp dụng các quy định pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong giai đoạn hiện nay cho thấy vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc mà nguyên nhân xuất phát từ những bất cập trong các quy định pháp luật và từ những yếu tố khác. Từ đó dẫn tới những ảnh hưởng không tốt đến hiệu quả của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng như quá trình giải quyết các vụ việc của các cơ quan tiến hành tố tụng dân sự, cơ quan THADS.

Từ những lý do trên, tôi đã chọn đề tài **“Cấp, thông báo, tổng đạt văn bản tố tụng”** làm luận văn tốt nghiệp cao học của mình với mong muốn góp phần làm rõ hơn những vấn đề lý luận và thực tiễn về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, đồng thời tìm ra được một số giải pháp nhằm làm cho hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS ngày càng có hiệu quả hơn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Ở Việt Nam, vấn đề cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chưa thực sự được quan tâm nghiên cứu nhiều. Tính đến nay mới chỉ có một vài công trình nghiên cứu coi cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là đối tượng nghiên cứu trực tiếp của mình và phần lớn mới xuất hiện trong thời gian gần đây. Cụ thể như các công trình của các tác giả sau: Nguyễn Thị Lan, Thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt VBTTDS, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2010; Trần Thị Nguyệt, Thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, Khóa luận tốt nghiệp Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2012; Đèo Thị Thủy, Cấp, thông báo, tổng đạt VBTTDS - Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Sơn La, Luận văn cao học, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2013. Các khóa luận và luận văn này đã trình bày, phân tích làm rõ nhiều vấn đề về hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Tuy nhiên, còn nhiều vấn đề về lý luận và thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng như vấn đề hoàn thiện các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS các luận văn và khóa luận trên vẫn chưa đề cập tới hoặc có đề cập nhưng còn sơ sài.

Ngoài các công trình nghiên cứu trên thì còn một số bài viết về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trên các báo, tạp chí, trang tin điện tử. Tuy vậy, các bài viết này phần lớn chỉ phân tích, luận giải về hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong một số lĩnh vực cụ thể hoặc liên quan đến một số chủ thể tố tụng nhất định. Trong các bài viết, các tác giả cũng không cắt nghĩa thế nào là cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS mà thuật ngữ này được sử dụng theo cách mà mặc nhiên người đọc đã phải hiểu nội dung, ý nghĩa của nó. Mặt khác, các bài viết chỉ dừng lại ở việc giải thích các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS mà chưa trình bày một cách đầy đủ và toàn diện những vấn đề lý luận của chúng.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đề tài

Mục đích của việc nghiên cứu đề tài là làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, từ đó thấy được tầm quan trọng của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, đánh giá đúng được thực

trạng thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, tìm ra những vướng mắc, bất cập trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, đưa ra được các kiến nghị để tháo gỡ nhằm nâng cao hiệu quả cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Để đạt được các mục đích nêu trên, nhiệm vụ nghiên cứu đề tài được xác định cụ thể như sau:

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS;
- Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các quy định của pháp luật tố tụng Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS;
- Khảo sát thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS.
- Tìm ra các giải pháp nhằm hoàn thiện và thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu đề tài

Đối tượng nghiên cứu đề tài là những vấn đề lý luận về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, các quy định của pháp luật Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS qua các thời kỳ lịch sử và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Trong giới hạn của luận văn thạc sĩ, phạm vi nghiên cứu đề tài tập trung vào những vấn đề lý luận cơ bản về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS như khái niệm, ý nghĩa, cơ sở và yêu cầu của cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, những quy định của các văn bản pháp luật tố tụng hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và thực tiễn Tòa án nhân dân (TAND), Viện kiểm sát nhân dân (VKSND), cơ quan THADS, Thừa phát lại thực hiện chúng trong những năm gần đây.

5. Phương pháp nghiên cứu đề tài

Việc nghiên cứu đề tài Luận văn dựa trên cơ sở lý luận về nhận thức của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước và pháp luật, sử dụng phương pháp duy vật biện chứng, duy vật lịch sử. Bên cạnh đó việc nghiên cứu còn sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học cụ thể như phương pháp phương pháp thống kê, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp thực nghiệm và phương pháp tổng hợp để triển khai các nội dung nghiên cứu.

6. Điểm mới của luận văn và ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài

Luận văn này là sự nghiên cứu tiếp nối đối với một số công trình nghiên cứu trước đây về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Nó là sự phát triển của những công trình nghiên cứu trước, sửa chữa những nhận thức sai, để đưa ra những khái niệm hoàn chỉnh hơn, đồng thời nghiên cứu sâu hơn, toàn diện hơn các khía cạnh lý luận của cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Bên cạnh đó cũng chỉ ra thêm được những bất cập của các quy định pháp luật hiện tại cũng như trong thực tiễn và đưa ra được những kiến nghị phù hợp. Kết quả nghiên cứu của luận văn vừa làm phong phú thêm lý luận chung vừa là nguồn tham khảo có giá trị đối với các khoa học pháp lý chuyên ngành. Những đóng góp chủ yếu của luận văn được thể hiện ở những điểm mới sau đây:

- Xây dựng hoàn chỉnh được một số khái niệm như khái niệm cấp VBTTDS, khái niệm thông báo VBTTDS, khái niệm tổng đạt VBTTDS và phân tích, so sánh làm rõ được sự khác biệt giữa các khái niệm này.

- Xác định được ý nghĩa của việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và cơ sở của việc pháp luật quy định về cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng.

- Phân tích nội dung các quy định của pháp luật Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, thấy được những điểm kế thừa và phát triển của các quy định của pháp luật hiện hành đồng thời cũng thấy được những điểm hạn chế của chúng và đưa ra các kiến nghị hoàn thiện.

- Làm rõ được thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và những bất cập trong việc thực hiện các quy định từ đó đề xuất các kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả thực hiện chúng.

7. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, phần nội dung của luận văn gồm các chương sau:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Chương 2: Thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Chương 3: Thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và kiến nghị.

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.1. KHÁI NIỆM VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.1.1. Khái niệm cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là những thuật ngữ pháp lý có nội dung khác nhau nhưng có mối liên quan với nhau. Khi nghiên cứu khái niệm về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trước tiên chúng ta cần phải nghiên cứu khái niệm của từng thuật ngữ cụ thể.

Thứ nhất, văn bản tố tụng dân sự.

Hiện nay, chưa có văn bản pháp luật nào quy định cụ thể thế nào là VBTTDS. Tuy nhiên, về bản chất thì “khái niệm chính là hình thức của tư duy trừu tượng, là kết quả của quá trình khái quát hóa và tách biệt (trong tư tưởng) các đối tượng thuộc về một lớp nào đó theo một số dấu hiệu đặc trưng nhất định của các đối tượng này” [9]. Do vậy, để đưa ra được khái niệm chính xác về VBTTDS, chúng ta có thể tiến hành nghiên cứu từ các dấu hiệu đặc trưng của nó đối với các loại văn bản khác, rồi khái quát thành khái niệm cụ thể. Trên cơ sở nghiên cứu, thì VBTTDS có các đặc điểm như sau:

- VBTTDS là văn bản áp dụng pháp luật, áp dụng trong quá trình giải quyết vụ, việc dân sự, THADS đối với từng trường hợp nhất định. Nó chứa đựng các quy định xử sự đối với từng chủ thể liên quan. Ví dụ: Trong trường hợp cần báo nguyên đơn hoặc bị đơn lên Tòa án để tham gia phiên hòa giải thì Tòa án phát hành thông báo về phiên hòa giải. Trong thông báo hòa giải phải đảm bảo được các nội dung như họ tên của người cần thông báo, nội dung thông báo đến tòa làm gì, ngày giờ, địa điểm tiến hành phiên hòa giải...

- VBTTDS được ban thành và sử dụng trong hoạt động tố tụng, THADS. Các văn bản không được ban hành và sử dụng trong quá trình hoạt động tố tụng dân sự, hoạt động THADS thì không phải là VBTTDS. Ví dụ: Các bài văn, bài thơ cũng

là văn bản nhưng đó không phải là VBTTDS, vì nó không được ban hành và sử dụng trong quá trình hoạt động tố tụng và thi hành án dân sự...

- VBTTDS phải do cơ quan tiến hành tố tụng dân sự, cơ quan THADS hoặc người tiến hành tố tụng dân sự, người có thẩm quyền của cơ quan THADS ban hành.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động tố tụng, THADS thì các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền của cơ quan THADS ban hành ra các VBTTDS nhằm phục vụ việc giải quyết vụ, việc nhất định. Các văn bản này có thể là bản án, quyết định, giấy triệu tập, giấy báo, thông báo... Nhưng tất cả chúng đều phải do các chủ thể trên ban hành ra. Những văn bản không phải do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền của cơ quan THADS ban hành ra thì không được coi là VBTTDS. Như đơn đề nghị của đương sự, hay giấy xác nhận của UBND (UBND)... thì không được coi là VBTTDS.

- VBTTDS phải được ban hành theo một trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ việc, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan THADS người có thẩm quyền của cơ quan THADS cần phải ban hành các VBTTDS theo đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật tố tụng dân sự quy định. Các chủ thể này không được phép tùy tiện ban hành các VBTTDS không đúng trình tự, thủ tục mà pháp luật quy định. Ví dụ: Chưa hòa giải thành nhưng đã ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn; chưa xét xử nhưng đã ban hành bản án... Tất cả các VBTTDS ban hành trái trình tự, thủ tục pháp luật đều bị coi là trái pháp luật, không có giá trị pháp lý và bị hủy.

Như vậy, trên cơ sở phân tích các đặc điểm trên, chúng ta có thể đưa ra khái niệm VBTTDS như sau: “VBTTDS là văn bản do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền của cơ quan THADS ban hành theo thủ tục, trình tự pháp luật tố tụng dân sự quy định và áp dụng trong quá trình giải quyết VVDS, THADS, trong đó chứa đựng các quy tắc xử sự của các chủ thể có quyền và nghĩa vụ liên quan”. Ví dụ: Bản án, quyết định, giấy báo, giấy mời, giấy triệu tập, thông báo...

Các VBTTDS có thể được phân thành nhiều loại, theo những tiêu chí khác nhau. Nếu căn cứ vào cơ quan ban hành: thì có thể phân loại thành VBTTDS của Viện kiểm sát, VBTTDS của Tòa án, VBTTDS của cơ quan Thi hành án. Nếu phân loại theo các giai đoạn tố tụng, thì có thể phân loại thành VBTTDS được ban hành trong giai đoạn thụ lý vụ án, thu thập xác minh chứng cứ, hoà giải và chuẩn bị xét xử, xét xử tại phiên toà, sau phiên toà, thi hành án...

Nếu phân loại theo tính chất của hoạt động tố tụng, VBTTDS bao gồm: Văn bản về nội dung và văn bản về thủ tục:

- Các văn bản về thủ tục tố tụng (trong thực tiễn tố tụng được gọi là “văn bản về hình thức”) bao gồm Quyết định phân công Thẩm phán giải quyết vụ án, Quyết định chuyển vụ án, Quyết định rút vụ án, Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Giấy triệu tập, Giấy mời, Thông báo...

- Văn bản về nội dung vụ án bao gồm: Các loại biên bản (Biên bản lấy lời khai, Biên bản hoà giải, Biên bản đối chất, Biên bản xác minh, Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ, Biên bản định giá, Biên bản phiên toà...), Bản án, Quyết định của Tòa án...

Nếu phân loại theo nội dung văn bản thì VBTTDS bao gồm: VBTTDS quy định quyền và nghĩa vụ và VBTTDS phản ánh sự việc:

- VBTTDS quy định quyền và nghĩa vụ có nội dung chứa đựng các quy định. Trong đó, nó thể hiện một cá nhân hay cơ quan nào đó có những quyền gì, hay có nghĩa vụ gì. Ví dụ: giấy triệu tập đương sự thường quy định ngày giờ, địa điểm yêu cầu đương sự phải có nghĩa vụ chấp hành; hay quyết định đình chỉ vụ án thì có nội dung đình chỉ giải quyết vụ án, bên cạnh đó cũng thể hiện quyền của nguyên đơn có quyền khởi kiện lại hay không, hoặc có quyền kháng cáo...

- VBTTDS phản ánh sự việc được sử dụng trong quá trình giải quyết vụ việc với mục đích phản ánh các nội dung sự việc. Trên cơ sở đó để có căn cứ giải quyết vụ việc đúng đắn. Các loại văn bản này được thể hiện bởi các dạng: Các biên bản xác minh, biên bản ghi lời khai, biên bản phiên toà, biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, biên bản định giá...

Sự phân loại các VBTTDS như chỉ mang tính tương đối, vì có nhiều văn bản vừa thể hiện nội dung quyền và nghĩa vụ của chủ thể, nhưng cũng chứa đựng cả việc phản ánh sự việc. Ví dụ: Bản án vừa có phần phản ánh sự việc, nhưng có phần quyền quyết định thể hiện quyền và nghĩa vụ của chủ thể...

Thứ hai, cấp văn bản tố tụng dân sự.

Theo từ điển tiếng Việt: “cấp” được hiểu là giao cho hưởng, giao cho toàn quyền sử dụng [7, tr.169]. Đây là cách hiểu chung nhất, khái quát nhất về thuật ngữ “cấp”. VBTTDS do cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án, người có thẩm quyền của cơ quan THADS ban hành. Do vậy, về nguyên tắc việc cấp VBTTDS trước tiên là do các cá nhân, cơ quan này trực tiếp thực hiện. Ngoài ra, các cơ quan này cũng có thể giao cho các cơ quan, cá nhân khác thực hiện việc cấp VBTTDS theo quy định pháp luật.

Trên cơ sở định nghĩa từ “cấp” và mục đích của việc cấp VBTTDS đã phân tích ở trên có thể đưa kết luận định nghĩa về cấp VBTTDS như sau: “*Cấp VBTTDS là hoạt động của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật giao cho cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc dân sự, thi hành án dân sự VBTTDS để họ có toàn quyền sử dụng nhằm phục vụ các quyền, lợi ích của họ*”.

Thứ ba, tổng đạt văn bản tố tụng dân sự.

Theo từ điển tiếng Việt, từ “tổng” có nghĩa là đưa đến, gửi đến mà bất chấp có đồng ý nhận hay không [7, tr.1302] và từ “đạt” có ý nghĩa là đến được mục đích, thực hiện được mục tiêu đã đề ra; đúng với yêu cầu ở mức tương đối [28, tr.386]. Hoạt động tổng đạt VBTTDS trước tiên cũng do cơ quan ban hành văn bản trực tiếp thực hiện. Ngoài ra, các cơ quan này cũng có thể giao cho các cơ quan, cá nhân khác thực hiện việc tổng đạt các VBTTDS thay mình theo quy định pháp luật. Hoạt động này nhằm để giao VBTTDS đến các cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc mà các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS đang giải quyết.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể đưa ra định nghĩa về tổng đạt VBTTDS như sau: “*Tổng đạt VBTTDS là hoạt động của cá nhân, cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật đưa đến, gửi đến cho cá nhân, cơ quan, tổ chức liên*

quan đến vụ việc dân sự, thi hành án dân sự VBTTDS thông qua các hình thức mà pháp luật quy định bắt chấp là cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan có đồng ý nhận hay không nhưng phải đảm bảo là đã thực hiện được việc giao được văn bản đó trên cơ sở pháp luật.”

Như vậy, tổng đạt VBTTDS là hoạt động mang tính bắt buộc đối với cả cơ quan ban hành VBTTDS và người nhận văn bản tố tụng: Cơ quan tiến hành tố tụng có nghĩa vụ phải giao được VBTTDS đó cho cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan VBTTDS cần tổng đạt cho dù là người nhận có đồng ý nhận hay không đồng ý nhận. Tuy nhiên, cơ quan tổng đạt VBTTDS phải thực hiện được đầy đủ các biện pháp tổng đạt theo quy định pháp luật, mà theo quy định pháp luật việc thực hiện đầy đủ biện pháp đó đủ để khẳng định là người được tổng đạt đã nhận được VBTTDS mà cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án đã giao. Yếu tố bắt buộc đối với cơ quan ban hành văn bản có ý nghĩa rất lớn trong việc đảm bảo quyền cho người nhận văn bản. Bên cạnh đó, việc quy định bắt buộc đối với bên tổng đạt cũng là cơ sở của yếu tố bắt buộc đối với bên nhận văn bản tố tụng. Bên nhận văn bản dù có nhận hay không, thì với các biện pháp theo quy định pháp luật bên tổng đạt có đủ các biện pháp thực hiện để theo quy định pháp luật có thể khẳng định là bên nhận đã nhận được văn bản tố tụng. Qua đó, bên nhận VBTTDS phải có nghĩa vụ thực hiện các nội dung trong văn bản đã được tổng đạt.

Điểm khác biệt cơ bản giữa tổng đạt với cấp VBTTDS chính là việc chủ thể nhận VBTTDS bắt buộc phải nhận được VBTTDS cần tổng đạt, để cho người nhận văn bản đó phải thực hiện các nội dung ghi trong văn bản. Nếu không thực hiện theo nội dung của văn bản được tổng đạt thì có thể coi là cơ sở xác định họ đã từ bỏ quyền của mình hay vi phạm nghĩa vụ và là cơ sở để Tòa án, cơ quan THADS tiến hành các hoạt động tố tụng hoặc áp dụng các biện pháp tiếp theo. Còn việc cấp VBTTDS thì việc giao VBTTDS cho chủ thể nhận không phải là yếu tố bắt buộc phải thực hiện đối với cả hai bên. Việc họ nhận hay không, không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ việc. Việc họ nhận hay không phụ thuộc vào việc người nhận có nhu cầu, mục đích sử dụng văn bản đó không. Ví dụ: Việc cấp trích lục án,

chủ thể nhận có quyền yêu cầu được nhận nếu họ cảm thấy cần thiết, còn nếu họ không cần thiết thì họ có thể không nhận...

Thứ tư, thông báo văn bản tố tụng dân sự.

Theo từ điển tiếng Việt thì từ “thông báo” có nghĩa là báo cho mọi người biết tình hình, tin tức bằng lời nói hoặc văn bản [28, tr.1224]. Do vậy, "*thông báo VBTTDS là hoạt động của cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định của pháp luật báo cho cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ, việc dân sự, thi hành án dân sự biết về những vấn đề liên quan đến họ để họ nắm bắt được nội dung yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, quyền và nghĩa vụ của mình, từ đó họ có cơ sở để thực hiện quyền và nghĩa vụ của bản thân họ.*"

Thông báo VBTTDS nó có điểm giống với cấp và tổng đạt đó là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng nhằm truyền đạt thông tin của cơ quan tiến hành tố tụng đến cá nhân, cơ quan, tổ chức... liên quan đến vụ việc, để các chủ thể này biết được nội dung của vụ việc và quyền nghĩa vụ của họ, từ đó họ có cơ sở để thực hiện quyền của mình. Tuy nhiên, thông báo khác với cấp VBTTDS ở chỗ, cái cần truyền tải đến người nhận đó là thông tin trong nội dung của văn bản tố tụng. Trong khi đó, đối với cấp VBTTDS thì đối tượng cấp chính là các tài liệu, văn bản hiện hữu để người nhận VBTTDS sử dụng phục vụ mục đích của họ.

Giữa thông báo và tổng đạt VBTTDS cũng có điểm khác nhau. Đối với tổng đạt VBTTDS thì việc chuyển văn bản và việc nhận văn bản là yếu tố bắt buộc đối với cả người chuyển và người nhận văn bản. Người chuyển văn bản phải thực hiện các thủ tục của việc chuyển văn bản để đảm bảo được quyền của người nhận là được cầm, nắm VBTTDS đó. Qua đó, người nhận VBTTDS có trách nhiệm phải thực hiện nghĩa vụ ghi trong tài liệu được tổng đạt. Trong khi đó, đối với thông báo VBTTDS thì đối tượng cần truyền đạt đến người được thông báo đó chính là nội dung thông tin ghi trong VBTTDS. Và việc thực hiện thông báo đôi khi không phải là yếu tố bắt buộc đối với bên nhận thông báo. Họ có thể thực hiện, hay không thực hiện thông báo tùy thuộc vào ý thức chủ quan của họ. Ví dụ: Tòa án ra thông báo anh Nguyễn Văn A phải đến Chi cục Thi hành án để nộp tiền tạm ứng án phí dân sự

phúc thẩm liên quan đến việc kháng cáo của anh A đối với bản án của Tòa án. Thì trong trường hợp này người nhận thông báo có quyền thực hiện hoặc không thực hiện việc đến theo giấy thông báo nếu họ không đến thì coi như họ từ bỏ việc kháng cáo. Như vậy, việc này không có yếu tố bắt buộc đối với người nhận thông báo.

Tóm lại, cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS đều là hoạt động cá nhân, cơ quan, tổ chức có thẩm quyền theo quy định pháp luật (Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS, Thẩm phán, Thư ký, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Thừa phát lại, UBND cấp xã...) trong việc chuyển giao VBTTDS đã được ban hành hoặc truyền đạt thông tin của nội dung văn bản đó đến các chủ thể liên quan để họ biết được về nội dung của văn bản đó, biết được quyền và nghĩa vụ của mình để thực hiện. Tuy nhiên, tùy vào từng trường hợp cụ thể mà cơ quan tiến hành tố tụng sử dụng hình thức cấp, tổng đạt hay thông báo cho phù hợp.

1.1.2. Ý nghĩa của cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có ý nghĩa rất quan trọng trong hoạt động tố tụng dân sự. Xem xét ở mỗi khía cạnh, mỗi chủ thể thì hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS lại có ý nghĩa nhất định. Cụ thể:

- Đối với các đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc, thông qua hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS giúp cho họ nhận được, hoặc biết được nội dung của VBTTDS dân sự. Qua đó, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan biết được các quyền và nghĩa vụ của mình, nhờ đó có thể bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp trước cơ quan tiến hành tố tụng. (Ví dụ: Việc giao thông báo thụ lý cho đương sự sẽ giúp cho đương sự biết được việc Tòa án đang thụ lý vụ án, từ đó họ biết được họ có quyền nêu ý kiến, hay cung cấp tài liệu về việc khởi kiện của nguyên đơn; hoặc việc giao thông báo nộp tiền tạm ứng án phí giúp cho người khởi kiện biết được nghĩa vụ của mình phải nộp bao nhiêu tiền tạm ứng án phí, và nếu không nộp trong thời hạn quy định thì sẽ bị coi là từ bỏ việc khởi kiện...).

- Đối với các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS, thông qua việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS sẽ đảm bảo giúp họ thực hiện được nhiệm vụ

và quyền hạn giải quyết vụ việc dân sự của mình. Vì thông qua việc giao cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan VBTTDS hoặc báo cho họ biết nội dung VBTTDS cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS đã truyền đạt đến đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan nội dung VBTTDS. Nhờ đó, người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS biết được quyền và nghĩa vụ của mình để thực hiện trong quá trình tố tụng dân sự.

- Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có ý nghĩa rất lớn đối với việc giải quyết các vụ việc dân sự. Quá trình giải quyết các vụ việc dân sự gồm rất nhiều các hoạt động tố tụng như: điều tra, xác minh, thu thập chứng cứ, hay hòa giải... Tuy nhiên, để thực hiện các hoạt động này luôn luôn phải có hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đan xen hỗ trợ. Hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS tuy không phải mang tính chất quyết định đến các hoạt động trên, nhưng nó lại có sự ảnh hưởng nhất định đối với các hoạt động tố tụng. Nếu việc cấp tổng đạt không được thực hiện hoặc thực hiện không đúng và đầy đủ theo quy định pháp luật thì các hoạt động tố tụng liên quan đôi khi không có giá trị pháp lý. Còn nếu hoạt động này được thực hiện đúng và đủ theo quy định pháp luật thì nó lại là cơ sở, tiền đề để các hoạt động khác được thực hiện đúng quy định pháp luật (Ví dụ: Khi xét xử vụ án dân sự nhưng cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện việc giao giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án, nếu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có kháng cáo bản án, bản án sẽ bị hủy ...).

Khi giải quyết các vụ việc dân sự, hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nhanh hay chậm cũng ảnh hưởng rất lớn đối với thời gian giải quyết các vụ việc. Nếu các hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được thực hiện nhanh chóng, các hoạt động tố tụng khác cũng sẽ có cơ sở để thực hiện. Tuy nhiên, nếu các hoạt động này không thực hiện được hoặc thực hiện chậm nó cũng làm cho việc giải quyết vụ việc dân sự bị kéo dài theo. Ngược lại, nếu thực hiện tốt hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS sẽ giúp cho việc giải quyết các vụ việc được diễn ra nhanh chóng, hạn chế các vụ việc giải quyết quá hạn luật định.

Bên cạnh các ý nghĩa nêu trên, việc thực hiện tốt các hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng góp phần không nhỏ vào việc giúp cho các vụ việc dân sự được diễn ra công khai, minh bạch và dân chủ...

1.2. CƠ SỞ CỦA VIỆC PHÁP LUẬT QUY ĐỊNH CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

1.2.1. Cơ sở lý luận của việc pháp luật quy định cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng dân sự

Khi tiến hành giải quyết các vụ việc, ở mỗi giai đoạn thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS đều phải thực hiện các hoạt động nhất định theo quy định của pháp luật. Phần lớn những hoạt động này yêu cầu phải có sự tham gia của đương sự, hoặc chủ thể nào đó liên quan. Nhưng muốn các chủ thể này tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS cần phải thực hiện hoạt động nào đó để những cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc biết được nội dung yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS đối với họ, để thông qua đó các chủ thể này biết được quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình để thực hiện. Do vậy, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án tất yếu phải tiến hành các hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS. Tuy nhiên, có rất nhiều vấn đề đặt ra khi thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS đó là: cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS cần phải thực hiện thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS cho ai? Những VBTTDS nào phải được cấp, tổng đạt, thông báo? Việc thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS như thế nào mới được coi là hợp lệ, đảm bảo cho người được cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS nắm bắt được đầy đủ quyền và nghĩa vụ để họ thực hiện khi tham gia vào quá trình giải quyết vụ việc... Vì vậy, để các hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS đạt được hiệu quả, đảm bảo được các mục đích, ý nghĩa đặt ra thì việc pháp luật quy định điều chỉnh đối với các hoạt động về cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS là cần thiết và bắt buộc. Điều đó cũng là để đảm bảo quyền, nghĩa vụ của người liên quan đến vụ án, đảm bảo nguyên tắc trách nhiệm chuyển giao tài liệu giấy tờ của cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án.

1.2.2. Cơ sở thực tiễn của việc pháp luật quy định cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Trong quá trình thực hiện các hoạt động tố tụng, việc giao VBTTDS hay báo cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc, vì lý do nào đó, đôi khi các cơ quan tiến hành tố tụng không thực hiện, hoặc quá trình thực hiện một cách tùy tiện, dẫn tới việc các VBTTDS không đến được các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan, hoặc nội dung các VBTTDS không báo được đến họ. Điều đó làm cho những người này không biết được quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình để thực hiện ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. (VD: Trong một vụ án hôn nhân gia đình anh A xin ly hôn chị B. Tòa án biết chị B đi làm ăn xa nhà không thực hiện được việc giao các giấy báo, giấy triệu tập trực tiếp cho chị B, nhưng để giải quyết được vụ án nhanh chóng, ít tốn kém Tòa án đã không thực hiện các biện pháp niêm yết hay thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng, mà chỉ thực hiện việc gửi các giấy triệu tập, giấy báo về cho chị B thông qua bưu điện về địa chỉ của nhà chị B, anh A. Các giấy tờ này đều không đến tay chị B. Sau mấy lần gửi giấy như vậy, không thấy chị B đến Tòa, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử vắng mặt chị B. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của chị B). Bên cạnh đó, thì việc giao các VBTTDS đến những người liên quan cũng gặp rất nhiều khó khăn, có trường hợp họ không nhận, có trường hợp khi thực hiện thì họ không có mặt tại nơi cư trú... Chính những vấn đề này đã làm cho việc giải quyết các vụ việc gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Thời hạn giải quyết bị kéo dài, chất lượng giải quyết vụ việc không đảm bảo. Chính vì thực tiễn như vậy, mà pháp luật phải quy định điều chỉnh các hoạt động về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để đảm bảo cho các hoạt động thực hiện tốt góp phần vào việc thúc đẩy việc giải quyết các vụ việc dân sự, đồng thời cũng để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ thể liên quan.

1.3. CÁC YÊU CẦU CỦA VIỆC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG DÂN SỰ

Yêu cầu là những đòi hỏi mà hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS phải đáp ứng để đảm bảo thực hiện được tốt chức năng của hoạt động này. Trên cơ sở pháp luật thì để thực hiện tốt chức năng của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì hoạt động này cần phải đảm bảo được những yêu cầu sau:

1.3.1. Yêu cầu tuân thủ pháp luật trong việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là một hoạt động tố tụng dân sự, được quy định cụ thể, rõ ràng trong các văn bản pháp luật. Việc tuân thủ các quy định của pháp luật sẽ đảm bảo tính hợp pháp của các hoạt động này. Nó là cơ sở để các hoạt động tố tụng tiếp theo là hợp pháp. Vì vậy, việc tuân thủ pháp luật là một trong những yêu cầu bắt buộc và cần thiết đối với cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Yêu cầu tuân thủ pháp luật trong việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS dân đòi hỏi hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS phải được tiến hành theo đúng quy định của pháp luật. Người thực hiện phải tuyệt đối tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành các quy định pháp luật liên quan. Các bước tiến hành, các phương thức sử dụng cần phải thực hiện trên cơ sở các quy định mà pháp luật đã đặt ra và phải đảm bảo được các nguyên tắc của pháp luật tố tụng dân sự. Các hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS vi phạm quy định pháp luật đều không được thừa nhận, người thực hiện tùy mức độ vi phạm có thể bị xử lý về hành vi vi phạm pháp luật của mình. Tuy nhiên, để thực hiện có hiệu quả yêu cầu này các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS phải cụ thể, đầy đủ, rõ ràng phù hợp với thực tiễn áp dụng.

1.3.2. Yêu cầu khách quan trong việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Khi giải quyết các vụ việc dân sự, để vụ việc được giải quyết đúng đắn, đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của các bên, thì một trong những yêu cầu mà các cơ quan tiến hành phải thực hiện đó là các hoạt động phải thực sự khách quan, vô tư. Hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là một trong những hoạt

động tố tụng dân sự, vì vậy yêu cầu khách quan cũng là giữ vai trò rất quan trọng trong giải quyết các vụ việc dân sự.

Để thực hiện được yêu cầu này, đòi hỏi việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS phải đảm bảo được các yếu tố sau:

- Các VBTTDS phải được ban hành đúng theo trình tự, mẫu do quy định pháp luật quy định, trên cơ sở yêu cầu khách quan khi thực hiện công việc, không dựa vào ý chí chủ quan của bất kỳ chủ thể nào (Ví dụ: Khi cần tiến hành lấy lời khai của người làm chứng, cơ quan tiến hành tố tụng dân sự mới được ban hành giấy triệu tập báo họ đến tòa để thực hiện việc lấy lời khai của họ. Còn những người không liên quan, không biết gì đến vụ việc thì không được tự ý triệu tập...).

- Hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là hoạt động của cơ quan tiến hành tố tụng, tuy nhiên không chỉ được thực hiện bởi các cán bộ của Tòa án, cơ quan THADS, Thừa phát lại mà ngoài ra nó còn được thực hiện bởi các chủ thể khác như cán bộ của UBND cấp xã, cơ quan, tổ chức, nhân viên bưu điện... Khi thực hiện hoạt động này, nếu người thực hiện cố tình thực hiện việc cấp, thông báo hoặc tổng đạt không đúng pháp luật, cố tình gây khó khăn cho đương sự thì sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự. Vì vậy, để thực hiện được yêu cầu khách quan khi cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì còn đòi hỏi cán bộ thực hiện cũng phải khách quan vô tư khi thực hiện nhiệm vụ. Không được vì lợi ích của bản thân hay của một ai đó mà xâm phạm, ảnh hưởng đến tính khách quan của hoạt động này.

- Khi tiến hành hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì diễn biến của hoạt động này phải được phản ánh trung thực, khách quan trên biên bản để làm căn cứ cho việc giải quyết đúng vụ việc. (Ví dụ: Khi đến giao giấy triệu tập cho ông A, nhưng ông A không có nhà mà chỉ có bà B là vợ ông A ở nhà, thì biên bản giao cũng phải thể hiện đúng việc giao văn bản cho bà B vì ông A không có nhà và yêu cầu bà B cam đoan sẽ giao tận tay ông A giấy triệu tập...).

Tóm lại, để hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đạt hiệu quả cao cần phải đảm bảo hai yêu cầu đó là yêu cầu tuân thủ pháp luật và yêu cầu khách quan trong việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

1.4. SƠ LƯỢC SỰ PHÁT TRIỂN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ TỪ NĂM 1945 ĐẾN NAY

1.4.1. Giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989

Sau khi Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Bản tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, bộ máy Nhà nước ta bắt đầu đi vào hoạt động; hệ thống pháp luật cũng được xây dựng và hoàn thiện dần dần để phục vụ nhu cầu của thực tế. Đầu tiên phải kể đến các Hiến pháp 1946, Hiến pháp 1959 và Hiến pháp 1980. Đây là những đạo luật cơ bản được xây dựng để thực hiện nhiệm vụ chính trị, kinh tế, xã hội của đất nước trong những giai đoạn lịch sử nhất định. Bên cạnh các bản Hiến pháp này, một loạt các văn bản pháp luật khác cũng được ban hành liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp như Sắc lệnh số 19/SL ngày 19/2/1947 về việc tổ chức Tòa án binh quân khu; Sắc lệnh 170/SL ngày 14/4/1948 về việc tổ chức lại Tòa án quân sự; Sắc lệnh 85/SL ngày 20/5/1950 về cải cách bộ máy tư pháp và tổ tụng, Luật Tổ chức TAND năm 1960, Luật Tổ chức TAND năm 1980, Luật Tổ chức VKSND năm 1960, Luật Tổ chức VKSND năm 1980. Ngoài ra, một số chế định cơ bản của pháp luật tố tụng dân sự như chế định hòa giải, thủ tục xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm...cũng dần được quy định, nằm ở rải rác ở các văn bản pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, các quy định này chưa tập trung trong một đạo luật cụ thể nào. Và các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng không phải là một trường hợp ngoại lệ. Do hệ thống pháp luật mới bắt đầu được xây dựng, hơn nữa trong thời kỳ này do chiến tranh, trình độ của người dân (nhiều người không biết chữ), nhiều hoạt động được ưu tiên hơn, vì vậy các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chưa cụ thể và khó được thực hiện trên thực tế. Trong nhiều vụ việc, việc báo cho các bên đương sự đôi khi còn được thực hiện thông qua việc thông báo trực tiếp bằng

lời nói... Mãi đến năm 1961, thì chúng ta mới ban hành Công văn số 363 ngày 17/4/1961 hướng dẫn đề cập đến một hình thức của cấp, tổng đạt các VBTTDS, đó là “*Việc niêm yết công khai giấy gọi đương sự ra phiên tòa, niêm yết trích lục bản án*”. Tuy nhiên, văn bản này quy định chưa đầy đủ và vẫn rất chung chung về việc niêm yết, hơn nữa chúng chỉ quy định về một khía cạnh nhỏ của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS dân sự nên chưa đầy đủ [24, tr.14].

Sau khi đất nước thống nhất, tình hình kinh tế, chính trị của nước ta đã đi vào ổn định. Hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng được chú trọng hơn trong hoạt động tư pháp. Ngày 23/6/1977, Tòa án nhân dân tối cao (TANDTC) đã ban hành Thông tư số 53/TATC hướng dẫn về thủ tục tổng đạt. Đây là văn bản pháp luật đầu tiên của nước ta quy định cụ thể về tổng đạt văn bản tố tụng. Tại thông tư này TANDTC cao xác định rõ những loại giấy tờ cần phải tổng đạt cho những người tham gia tố tụng, người làm nhiệm vụ tổng đạt, thủ tục tổng đạt và hướng dẫn cách làm giấy tờ tổng đạt. Ngoài ra, tại Thông tư này TANDTC còn quy định giải quyết những trường hợp tổng đạt vắng mặt, đương sự cố tình giấu địa chỉ, không chịu nhận tổng đạt hoặc họ là bị cáo trong vụ án hình sự đang trốn [25] đồng thời quy định một số mẫu biên bản tổng đạt để Tòa án các cấp áp dụng.

Sau Thông tư số 53/TATC, việc tổng đạt văn bản đối với những hoạt động có yếu tố nước ngoài cũng được đưa vào quy định trong một số Hiệp định tương trợ tư pháp như “*Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc ngày 12/10/1982.*” Trong Hiệp định này, hoạt động tổng đạt, chuyển giao giấy tờ cho người đang thường trú ở nước bên kia được thực hiện thông qua ủy thác tổng đạt giấy tờ. Tuy nhiên, khi thực hiện việc ủy thác tổng đạt giấy tờ thì một yêu cầu rất quan trọng đó là bên ủy thác phải ghi rõ địa chỉ đúng của người nhận và tính chất của giấy tờ tổng đạt. Bên cạnh đó, Hiệp định này cũng quy định yêu cầu của giấy biên nhận về tổng đạt phải ghi rõ nơi, ngày và cách thức tổng đạt; chứng minh việc tổng đạt giấy tờ thì tuân theo pháp luật

của nước nhận ủy thác; trường hợp không thực hiện được việc tổng đạt giấy tờ ở địa chỉ đã ghi thì bên tổng đạt sẽ phải làm gì....

Như vậy, nhìn chung trong giai đoạn từ năm 1945 đến năm 1989, ở thời kỳ đầu do chiến tranh nên hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS này vẫn chưa được quan tâm đúng mức. Sau khi miền Nam được giải phóng và đất nước được thống nhất thì hoạt động này đã được quan tâm, chú trọng hơn. Tuy nhiên, do mới bắt đầu được xây dựng nên các quy định vẫn chưa đầy đủ, rõ ràng. Mặc dù vậy, đây cũng là cơ sở để pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS ở các giai đoạn sau hoàn thiện hơn.

1.4.2. Giai từ năm 1989 đến năm 2004

Trong giai đoạn này thủ tục giải quyết các vụ án vụ án dân sự được quy định trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự ngày 17/12/1989; thủ tục giải quyết các vụ án vụ án kinh tế được quy định trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế ngày 16/3/1994; thủ tục giải quyết các vụ án lao động được quy định trong Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động ngày 11/4/1996. Trong các pháp lệnh này đều có các quy định về thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS như quy định tại các điều 44, 57, 61 và 73 của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự; quy định tại các điều 40, 57, 63 và 76 của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế; quy định tại các điều 42, 58, 62 và 75 của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động. Tuy nhiên các quy định này chủ yếu quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo đối với mỗi loại văn bản tố tụng, thời hạn phải thực hiện, trách nhiệm của Tòa án mà chưa quy định các phương thức thực hiện và thực hiện như thế nào mới là hợp lệ. Việc thực hiện các hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong giai đoạn này vẫn chủ yếu dựa vào các quy định trong Thông tư số 53/TATC ngày 23/6/1977 của TANDTC; Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (HĐTPTANDTC) hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989 trong đó có hướng dẫn một số trường hợp cụ thể phải niêm yết giấy triệu tập phiên tòa và thủ tục thông báo nhấn tin trên phương tiện

thông tin đại chúng; Công văn số 29/NCPL ngày 6/4/1992 của TANDTC hướng dẫn giải quyết các vụ án ly hôn với một bên đương sự đang ở nước ngoài đề cập đến việc thông báo và lấy lời khai đương sự qua cơ quan ngoại giao của nước ta ở nước ngoài... Như vậy, ở giai đoạn này các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng đã được chú trọng hơn so với giai đoạn trước. Tuy nhiên, các quy định vẫn còn manh mún, nằm rải rác ở nhiều văn bản khác nhau, chưa tập trung. Bên cạnh đó, vẫn còn rất nhiều vấn đề liên quan đến hoạt động này chưa được giải quyết triệt để, dẫn đến việc giải quyết các vụ việc ở Tòa án gặp rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Hậu quả là nhiều vụ việc giải quyết bị kéo dài hoặc giải quyết sai quy định, bị hủy do không thực hiện được hoặc thực hiện không đúng các quy định của pháp luật về việc cấp, thông báo, tổng đạt các VBTTDS.

Đối với hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong hoạt động THADS. Ngày 28/8/1989 Pháp lệnh THADS được ban hành có quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nhưng chưa cụ thể. Đến ngày 17/4/1993, Pháp lệnh THADS năm 1993 được ban hành thay thế Pháp lệnh THADS năm 1989. Hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được quy định tại Điều 28 và Điều 34 của Pháp lệnh này. Tuy nhiên, các quy định này về cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS trong hoạt động THADS cũng chỉ xác định được các văn bản phải gửi cho đương sự và những cá nhân, tổ chức liên quan bao gồm: Các quyết định THADS, cưỡng chế THADS, hoãn THADS, tạm đình chỉ THADS, khôi phục thời hiệu THADS, phạt tiền, trả lại đơn yêu cầu THADS và Danh mục tài sản, thời gian bán đấu giá phải được niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan THADS và UBND xã, phường, thị trấn nơi có tài sản và thông báo cho đương sự, chậm nhất bảy ngày trước ngày đấu giá [29]. Nhìn chung là các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong hoạt động THADS trong thời kỳ này vẫn còn sơ sài và chưa cụ thể và đầy đủ.

1.4.3. Giai từ năm 2004 đến nay

Sau khi Bộ Chính trị thông qua Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, hoạt động cải cách tư pháp, xây dựng pháp luật đã được quan tâm nhiều hơn. Hệ thống pháp luật

tổ tụng dân sự và THADS cũng có nhiều chuyển biến. Các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng ngày càng hoàn thiện hơn, thể hiện được tính kế thừa của các quy định trong các văn bản trước đây và đã có sự phát triển thêm một bước cho phù hợp hơn với tình hình thực tế.

Đầu tiên phải kể đến đó là BLTTDS được Quốc hội thông qua ngày 15/6/2004, sau đó được sửa đổi bổ sung ngày 29/3/2011. Trong Bộ luật này, hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được xây dựng chi tiết với 11 điều luật (từ Điều 146 đến Điều 156) và được quy định tập trung tại Chương X. Bên cạnh việc kế thừa một số quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS ở các văn bản pháp luật trước đây như Thông tư số 53/TATC ngày 23/6/1977 của TANDTC; Nghị quyết số 03/HĐTP ngày 19/10/1990 của HĐPTANDTC hướng dẫn áp dụng một số quy định của Pháp lệnh Thủ tục giải quyết các vụ án dân sự năm 1989, thì BLTTDS cũng đã quy định cụ thể hơn, chi tiết hơn về các trình tự, thủ tục, phương thức cấp, thông báo, tổng đạt các VBTTDS; nêu rõ được nghĩa vụ của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Ngoài ra, còn nêu ra các tiêu chuẩn để xác định việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hợp lệ. Những quy định này đã góp phần rất lớn để các cơ quan tiến hành tổ tụng thực hiện hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS dễ dàng hơn, đảm bảo được tính pháp lý khi thực hiện nhiệm vụ.

Bên cạnh các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong BLTTDS thì các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong THADS cũng có những chuyển biến nhất định. Đầu tiên là các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS của Pháp lệnh THADS ban hành ngày 14/01/2004 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Tại Pháp lệnh này quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được quy định tập trung chủ yếu ở Điều 34. Tại Điều luật này xác định cụ thể các vấn đề của thủ tục thông báo về thi hành án như các văn bản được thông báo, chủ thể có quyền nhận thông báo, các hình thức thông báo, những giải pháp cho trường hợp được thông báo vắng mặt, hình thức niêm yết công khai, hình thức thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, các yêu cầu cơ bản của các biên bản làm việc, trách nhiệm của người có nghĩa vụ thực hiện thông báo... Tuy Pháp lệnh THADS năm 2004 vẫn còn

một số bất cập như chưa có quy định về thủ tục thông báo trực tiếp cho cơ quan, tổ chức, chưa xác định thời hạn niêm yết, chưa xác định việc thông báo thế nào được coi là hợp lệ...nhưng về cơ bản Pháp lệnh THADS năm 2004 đã xây dựng được những vấn đề chủ yếu nhất của việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Đến khi LTHADS được ban hành, thủ tục thông báo về thi hành án đã được quy định cụ thể hơn và được quy định tách bạch ở 5 điều luật, từ Điều 39 đến Điều 43 LTHADS. LTHADS bên cạnh việc kế thừa các quy định tại Pháp lệnh THADS năm 2004 cũng đã bổ sung thêm một số quy định như quy định về thủ tục thông báo cho cá nhân, thủ tục thông báo cho cơ quan tổ chức; quy định rõ thời gian niêm yết công khai, thời gian thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng; quy định rõ người thân thích được nhận thay người được thông báo gồm những ai và xác định rõ thời điểm được coi là thông báo hợp lệ.

Nhìn chung ở giai đoạn này, các quy định về thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã tương đối hoàn chỉnh. Tuy nhiên, để công tác này có những chuyển biến tốt hơn, ngày 14/11/2008 Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 24/2008/QH12 về thi hành LTHADS, trong đó quy định việc thực hiện thí điểm Thừa phát lại. Theo Nghị quyết của Quốc hội, việc thí điểm Thừa phát lại được thực hiện từ ngày LTHADS có hiệu lực thi hành (01/7/2009) đến ngày 01/7/2012. Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh. Tiếp đó, TANDTC, VKSNDTC, Bộ Tư pháp và Bộ Tài chính đã ban hành các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện Nghị quyết của Quốc hội và Nghị định của Chính phủ, như Thông tư số 03/2009/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định về các công việc của Thừa phát lại, về giải quyết một số vấn đề phát sinh khi các văn phòng Thừa phát lại giải thể, chấm dứt hoạt động, về mẫu biểu nghiệp vụ của các văn phòng Thừa phát lại và quản lý thẻ Thừa phát lại; Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BTP-TANDTC-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2010 của Bộ Tư pháp, TANDTC và Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung liên quan đến chi phí thực

hiện công việc của Thừa phát lại và chế độ tài chính đối với Văn phòng Thừa phát lại; Thông tư liên tịch số 13/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 7 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tư pháp, TANDTC và VKSNDTC hướng dẫn một số nội dung về thủ tục thực hiện công việc của Thừa phát lại. Việc khai sinh các Văn phòng Thừa phát lại với nhiệm vụ trọng tâm đó là thực hiện chức năng cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS giúp TA và cơ quan THADS. Nên trình tự, thủ tục thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản được quy định rất chi tiết và cụ thể. Sau hơn hai năm thực hiện thí điểm trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 11 năm 2012 tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 36/2012/QH13 của Quốc hội về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định thừa phát lại đồng thời mở rộng phạm vi thí điểm ra các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Theo Báo cáo số 395/BC-CP ngày 14/10/2014 của Chính phủ về công tác THADS năm 2014 đến nay có 13 tỉnh, thành phố Trung ương đã thành lập Văn phòng Thừa phát lại với tổng số 46 Văn phòng Thừa phát lại và 205 Thừa phát lại. Việc pháp luật quy định tổ chức và hoạt động của các Văn phòng Thừa phát lại đã mở ra một hướng mới, giúp cho việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được thực hiện nhanh chóng và có hiệu quả hơn, có tác dụng giảm tải công việc cho các cơ quan tiến hành tố tụng và cơ quan THADS.

Tóm lại, dựa trên các cơ sở lý luận và thực tiễn, các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã được xây dựng, hình thành và phát triển theo từng giai đoạn lịch sử và ngày càng hoàn thiện hơn để đảm bảo được các yêu cầu đặt ra đối với hoạt động này. Qua đó, khẳng định được ý nghĩa to lớn của hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS đối với sự nghiệp cải cách tư pháp, xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa.

Chương 2:

THỰC TRẠNG CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

2.1. CHỦ THỂ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

Quan hệ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS là quan hệ giữa cơ quan có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS với cá nhân, cơ quan, tổ chức được nhận văn bản. Dựa vào vị trí, vai trò của các bên chủ thể tham gia quan hệ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có thể chia các chủ thể tham gia quan hệ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thành 02 nhóm, một bên là chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, còn một bên là chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

2.1.1. Chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Về nguyên tắc thì cơ quan nào ban hành văn bản có nghĩa vụ cấp, tổng đạt hoặc thông báo VBTTDS cho những người tham gia tố tụng hoặc những người liên quan đến văn bản. Dựa trên nguyên tắc này, Điều 146 BLTTDS cũng quy định: “*Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS có nghĩa vụ cấp, tổng đạt hoặc thông báo VBTTDS cho đương sự, những người tham gia tố tụng khác và cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan theo quy định của Bộ luật này.*” [20]. Như vậy, theo quy định thì chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS gồm có 3 cơ quan là Tòa án, Viện kiểm sát và cơ quan thi hành án. Tuy nhiên, không phải trường hợp nào các cơ quan này cũng trực tiếp thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho người tham gia tố tụng hoặc những người liên quan đến văn bản. Tùy tình hình thực tế của mỗi vụ việc mà các cơ quan này có thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thông qua những người sau:

- *Người tiến hành tố tụng, người của cơ quan ban hành VBTTDS được giao nhiệm vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng.*

Theo BLTTDS, người tiến hành tố tụng bao gồm: Chánh án, Phó Chánh án, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án, Viện trưởng Viện kiểm sát, Phó viện trưởng Viện kiểm sát, Kiểm sát viên. Quá trình giải quyết vụ việc, mỗi giai đoạn tố tụng thì những người tiến hành tố tụng có những Thẩm quyền ban hành những VBTTDS nhất định theo quy định pháp luật để thực hiện nhiệm vụ của mình. Do đó, họ có quyền tự mình thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS đó cho người tham gia tố tụng hoặc cơ quan, tổ chức có liên quan đến văn bản. Tuy nhiên, những người tiến hành tố tụng trên không phải trường hợp nào cũng có thể trực tiếp tự mình thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng, do vậy việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có thể được giao cho một cán bộ khác cùng cơ quan để thực hiện thay. Những người này có thể là cán bộ, công chức hay hợp đồng nhưng làm việc cho các cơ quan này và được phân công nhiệm vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Đối với cơ quan Thi hành án, thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án, Phó thủ trưởng cơ quan thi hành án, Chấp hành viên không phải là người tiến hành tố tụng. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hoạt động thi hành án thì cơ quan THADS cũng phải thực hiện các hoạt động tố tụng, và họ phải ban hành các VBTTDS liên quan đến hoạt động thi hành án như Quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập... Do vậy, họ có trách nhiệm phải cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản này cho đương sự, cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan. Để công việc được thực hiện thì tùy tình hình những người này cũng có thể giao cho cán bộ, nhân viên trong cơ quan của họ để thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thay mình.

Việc tiến hành cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trực tiếp cho những người liên quan đến vụ, việc dân sự thông qua những người tiến hành tố tụng hoặc người của cơ quan ban hành văn bản không phải trường hợp nào cũng thực hiện được vì nhiều lý do khác nhau. Do vậy, để đảm bảo việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho các đương sự thì ngoài quy định tại điểm a khoản 1 Điều 148 BLTTDS thì khoản 1 Điều 148 BLTTDS cũng quy định thêm những người có thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS gồm:

- UBND cấp xã nơi người tham gia tố tụng dân sự cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người tham gia tố tụng dân sự làm việc khi Tòa án có yêu cầu.

Trong cuộc sống thì nơi ở và nơi làm việc là hai nơi luôn gắn trực tiếp đối với mỗi con người. Họ có thể đi chơi nhưng sau đó vẫn phải về nhà để ngủ, phải đến cơ quan để làm việc, kiếm sống. UBND cấp xã nơi người tham gia tố tụng cư trú chính là cơ quan quản lý, nắm bắt rõ nhất về hoạt động cư trú của người tham gia tố tụng trên địa bàn; cơ quan, tổ chức nơi người tham gia tố tụng dân sự làm việc chính là đơn vị trực tiếp quản lý người tham gia tố tụng khi họ đi làm. Do vậy, hai cơ quan này có vai trò rất quan trọng trong việc hỗ trợ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS khi cơ quan tiến hành tố tụng yêu cầu.

- Đương sự, người đại diện của đương sự hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong những trường hợp do BLTTDS quy định.

Đương sự, người đại diện của đương sự hoặc người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự là những người trực tiếp tham gia vào vụ án, họ có nghĩa vụ phải chứng minh, cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình hoặc yêu cầu của đương sự mà mình đại diện hoặc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp. Những người này thường có mối liên hệ chặt chẽ với nhau thông qua quan hệ thân thích hoặc quan hệ hợp đồng do pháp luật quy định. Họ có trách nhiệm và nghĩa vụ ràng buộc lẫn nhau và thường xuyên liên lạc gặp gỡ nhau để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ của mình trong quá trình giải quyết vụ việc. Chính vì vậy, một số trường hợp, trong quá trình giải quyết vụ việc cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS chỉ tiếp xúc được với một trong số những người trên. Do vậy, để đảm bảo quyền được nhận các VBTTDS của các đương sự, các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS có thể giao các VBTTDS đó cho đương sự để họ giao lại những văn bản đó cho người đại diện theo pháp luật, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ hoặc ngược lại.

- Nhân viên bưu điện.

Hiện nay, hệ thống các bưu điện đã được triển khai đến tận địa bàn các xã, phường; các nhân viên bưu điện được phân công phụ trách đến tận các thôn, xóm,

áp. Hoạt động vận chuyển các bưu kiện cũng tương đối nhanh chóng, thông thường những khu vực gần chỉ 1 đến 2 ngày là đến nơi; còn những địa bàn xa, thì có thể 3 đến 4 ngày mới đến nơi. Công việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS tại các cơ quan tiến hành tố tụng, THADS lại rất nhiều. Vì vậy, phần lớn các văn bản cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS tại các cơ quan này hiện nay được thực hiện bằng con đường gửi qua bưu điện thông qua các nhân viên bưu điện giao đến cho các cá nhân, cơ quan tổ chức liên quan. Việc gửi các VBTTDS thông qua bưu điện có rất nhiều điểm tích cực đó là nhanh, số lượng gửi được nhiều... nhưng bên cạnh đó thì nó có hạn chế đó là các văn bản không đảm bảo đến tận tay được người cần cấp, tổng đạt, thông báo; các văn bản giao đôi khi được thiết lập rất sơ sài, không đảm bảo được theo yêu cầu của pháp luật. Tuy nhiên, đây vẫn là một trong những biện pháp rất cần thiết để giảm bớt áp lực cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho các cơ quan có nghĩa vụ phải cấp tổng đạt.

- Những người khác mà pháp luật có quy định.

Đây là quy định mở của BLTTDS nhằm mở rộng thêm những người có thể thực hiện việc tổng đạt khi thực tế yêu cầu. Hiện tại, theo quy định Điều 153, Điều 155 BLTTDS, Điều 40, Điều 43 LTHADS thì người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người cần thực hiện cấp tổng đạt; tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc; UBND, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú. Các cơ quan báo, đài phát thanh, đài truyền hình cũng là những người có thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong những trường hợp nhất định.

Bên cạnh đó, thì theo khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013) thì Thừa phát lại được thực hiện việc tổng đạt theo yêu cầu của Tòa án hoặc Cơ quan THADS; Thư ký nghiệp vụ thừa phát lại cũng được thực hiện việc tổng đạt khi Trưởng văn phòng Thừa phát lại giao nhiệm vụ. Giống như luật sư, công chứng viên... thừa phát lại là

một chức danh được Bộ trưởng Bộ Tư pháp bổ nhiệm cho một cá nhân có đầy đủ những điều kiện nhất định. Yêu cầu để được bổ nhiệm làm thừa phát lại rất chặt chẽ: phải là người có bằng cử nhân luật, có chứng chỉ hoàn thành lớp tập huấn về nghề Thừa phát lại do Bộ Tư pháp tổ chức, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt...(Điều 10 Nghị định số 61/2009/ NĐ-CP); Thư ký nghiệp vụ Thừa phát lại cũng phải đảm bảo là người có bằng cử nhân luật, có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt... (điểm c, khoản 3 Điều 15 số 61/2009/ NĐ-CP) [11]. Vì vậy, về lý thuyết các văn bản do Thừa phát lại và Thư ký nghiệp vụ Thừa phát lại thực hiện sẽ cơ bản đảm bảo được trình tự, thủ tục do pháp luật quy định. Việc pháp luật đưa chế định thừa phát lại vào áp dụng là một trong những hướng đi mới góp phần rất lớn trong việc hỗ trợ cho cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong đó có hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Nhìn chung, theo các quy định hiện hành thì chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt, hoặc thông báo VBTTDS là Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án. Để thực hiện nghĩa vụ này, các cơ quan này phải thông qua những chủ thể là người của cơ quan mình hoặc cơ quan, tổ chức khác để thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Thông qua các quy định pháp luật, các hợp đồng mà các nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được chuyển giao từ các cơ quan trên cho các chủ thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Tuy nhiên, nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chính vẫn là của các cơ quan ban hành VBTTDS (Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan thi hành án).

Hiện tại, các quy định hiện hành quy định khá nhiều các chủ thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, tuy nhiên mỗi một chủ thể lại có những điểm mạnh, điểm hạn chế nhất định. Vì vậy, tùy vào tình hình thực tế của mỗi loại vụ, việc mà các cơ quan ban hành văn bản cần có những sự lựa chọn chủ thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho phù hợp.

2.1.2. Chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Khi giải quyết các vụ, việc dân sự thì ở mỗi giai đoạn tố tụng, thì cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS lại ban hành những VBTTDS khác nhau, liên

quan đến những cá nhân, cơ quan, tổ chức khác nhau. Do vậy, chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng có sự thay đổi. Ví dụ: Tại giai đoạn khởi kiện và thụ lý vụ án thì Tòa án phải ban hành thông báo sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện, thông báo nộp tiền tạm ứng án phí. Những văn bản này cần phải giao cho người khởi kiện để họ thực hiện nghĩa vụ của mình. Như vậy, chủ thể cần phải cấp, tổng đạt và thông báo ở đây là người khởi kiện. Tuy nhiên, sau khi người khởi kiện nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm cho Tòa án, thì Tòa án sẽ tiến hành thụ lý vụ án, khi đó Tòa án sẽ phải ra thông báo thụ lý vụ án và phải giao cho bị đơn, Viện kiểm sát và cá nhân, cơ quan tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Điều 174 BLTTDS). Lúc này chủ thể được cấp, tổng đạt không còn là người khởi kiện nữa mà đó là bị đơn, Viện kiểm sát và các cá nhân, cơ quan tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan...

Như vậy, chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS rất đa dạng. Hiện tại, theo các quy định của pháp luật hiện hành thì các chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS không được quy định tập trung mà nằm rải rác ở các điều luật và ở nhiều văn bản quy phạm pháp luật khác nhau. Tuy nhiên, căn cứ vào vị trí, vai trò của chủ thể đối với vụ, việc mà cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS giải quyết ta có thể chia chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thành các nhóm sau:

- Nhóm các chủ thể có quyền, lợi ích liên quan đến vụ, việc giải quyết: Nhóm này bao gồm: nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ việc dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong thi hành án dân sự. Đây chính là các chủ thể mà việc giải quyết vụ, việc sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của các chủ thể này. Vì vậy, việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho những người này để đảm bảo cho họ được thực hiện quyền bảo vệ lợi ích của cá nhân, cơ quan, tổ chức của họ, hay lợi ích công cộng, lợi ích của Nhà nước trong lĩnh vực họ được giao phụ trách.

- Nhóm các chủ thể không có quyền, lợi ích liên quan đến vụ, việc nhưng phải thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để làm rõ nội dung vụ, việc,

đảm bảo thực hiện được việc giải quyết vụ việc. Nhóm này bao gồm: Người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự; Những người làm chứng; cá nhân, cơ quan tổ chức đang nắm giữ chứng cứ; các tổ chức giám định, các cơ quan định giá, ...

- Nhóm các chủ thể thực hiện việc giám sát hoạt động giải quyết vụ, việc hoặc thi hành các văn bản theo quy định pháp luật: Đây là nhóm các chủ thể mà theo quy định thì các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS phải thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho họ, mặc dù họ không có quyền, lợi ích liên quan nhưng theo quy định của pháp luật phải giao cho họ để họ thực hiện việc giám sát hoạt động của của cơ quan ban hành văn bản hoặc để họ thi hành các văn bản được ban hành. Nhóm chủ thể này bao gồm: Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án. Ví dụ: Thông báo thụ lý, quyết định công nhận, bản án... của Tòa án phải được giao cho Viện kiểm sát để họ thực hiện việc giám sát; đồng thời các bản án, quyết định có hiệu lực phải giao cho cơ quan THADS để họ đưa bản án, quyết định đó ra thi hành; Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát phải được chuyển giao cho Tòa án để Tòa án nắm được thực hiện việc chuyển hồ sơ lên cấp trên; Các quyết định thi hành án cơ quan THADS phải chuyển cho Viện kiểm sát để cơ quan này thực hiện việc giám sát, theo dõi...

Nhìn chung, hai loại chủ thể: chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS và chủ thể được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện tại được pháp luật quy định khá đa dạng và cụ thể trong các văn bản hiện hành. Tuy nhiên, các chủ thể này lại được quy định rải rác ở rất nhiều điều luật và ở nhiều văn bản khác nhau. Điều đó cho thấy tính đa dạng, phức tạp trong hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS hiện nay, đồng thời nó cũng gây ra không ít khó khăn trong thực hiện pháp luật.

2.2. CÁC VĂN BẢN TỐ TỤNG DÂN SỰ ĐƯỢC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO

Hiện nay, theo quy định tại Điều 147 BLTTDS thì các VBTTDS phải được cấp, tổng đạt gồm:

- Bản án, quyết định của Tòa án.
- Đơn khởi kiện, đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị.
- Giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời trong tố tụng dân sự.
- Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, tiền tạm ứng lệ phí, án phí, lệ phí và các chi phí khác.

- Các VBTTDS khác mà pháp luật có quy định.

Ngoài những VBTTDS trên thì ở mỗi giai đoạn tố tụng, pháp luật cũng quy định một số VBTTDS tương ứng phải được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Dựa vào các cơ quan có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo thì chúng ta có thể phân các VBTTDS được cấp, tổng đạt và thông báo thành các nhóm sau:

2.2.1. Các văn bản tố tụng dân sự do Tòa án cấp, tổng đạt và thông báo

Hiện nay, các văn bản tố tụng do Tòa án cấp, tổng đạt và thông báo được quy định khá cụ thể trong BLTTDS và Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của HĐPTANDTC bao gồm các loại văn bản sau:

- Các loại quyết định như Quyết định tạm đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định công nhận sự thoả thuận của đương sự, quyết định chuyển vụ án, quyết định định giá tài sản, quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ, quyết định thay đổi áp dụng, huỷ bỏ biện pháp khẩn cấp tạm thời, quyết định giải quyết việc dân sự, quyết định giám đốc thẩm, tái thẩm...

- Các loại thông báo như Thông báo yêu cầu bổ sung đơn khởi kiện, Thông báo trả lại đơn khởi kiện, Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, lệ phí định giá, giám định, Thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo hoà giải, thông báo thời gian, địa điểm mở lại phiên tòa, thông báo kháng cáo, thông báo về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo kháng nghị phúc thẩm, thông báo không kháng nghị giám đốc thẩm...

- Các loại giấy triệu tập như giấy triệu tập lấy lời khai, giấy triệu tập tham gia hòa giải; giấy triệu tập đến phiên tòa xét xử...

- Các loại giấy mời như giấy mời Hội thẩm nhân dân, giấy mời Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

- Giấy báo nhận đơn khởi kiện.

- Giấy xác nhận đã nhận đơn đề nghị xem xét bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật theo thủ tục giám đốc thẩm
- Các bản án như bản án sơ thẩm, bản án phúc thẩm.
- Trích lục bản án.
- Các loại biên bản như biên bản hòa giải thành, biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, biên bản về việc giao nhận chứng cứ.
- Đơn khởi kiện, đơn kháng cáo.

Nhìn chung, các VBTTDS mà Tòa án cấp, tổng đạt và thông báo được quy định khá đa dạng về số lượng cũng như loại văn bản. Bên cạnh đó, pháp luật cũng quy định cụ thể thời hạn phải thực hiện đối với một số loại văn bản để đảm bảo cho những người nhận văn bản thực hiện được quyền và nghĩa vụ của mình. Cụ thể: Đối với bản án (Điều 241 BLTTDS) thì thời hạn phải giao hoặc gửi bản án cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp là mười ngày kể từ ngày tuyên án; Đối với các quyết định như: Quyết định đưa vụ án ra xét xử phải được gửi ngay cho các đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp ngay sau khi ra quyết định (Điều 195); Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự (Điều 187), Quyết định tạm đình chỉ, đình chỉ phải được cấp cho đương sự, Viện kiểm sát cùng cấp trong thời hạn năm ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định (Điều 194); Thông báo về việc thụ lý vụ án phải được thực hiện trong thời hạn ba ngày làm việc kể từ ngày thụ lý vụ án (Điều 174); Đối với đơn kháng cáo, sau khi nhận đơn kháng cáo hợp lệ, Tòa án cấp sơ thẩm phải thông báo ngay bằng văn bản cho Viện kiểm sát cùng cấp và đương sự có liên quan đến kháng cáo biết về việc kháng cáo (Điều 249); Đối với quyết định kháng nghị, Viện kiểm sát có quyết định kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị cho đương sự có liên quan đến kháng nghị...

Tuy nhiên, đối với một số loại VBTTDS mà Tòa án phải tiến hành cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì lại không quy định thời gian Tòa án phải thực hiện như: Thông báo hòa giải (Điều 183), giấy triệu tập... dẫn đến việc một số VBTTDS được cấp, tổng đạt và thông báo quá muộn, làm cho người được cấp, tổng đạt và thông báo không sắp xếp được công việc vì vậy không thực hiện được các quyền và

nghĩa vụ của mình, làm cho các buổi hòa giải, buổi làm việc... không tiến hành được. Bên cạnh đó thì một số điều luật khi quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thường sử dụng từ “ngay”, điều này đôi khi cũng làm cho việc cấp, tổng đạt và thông báo có nhiều cách hiểu không thống nhất. Về phía đương sự, và những người có quyền nhận văn bản thì thường thúc giục Tòa án phải thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo quá nhanh dẫn đến chất lượng của các văn bản không đảm bảo. Về phía cán bộ thì đôi khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo quá muộn nhưng cũng không thể xử lý kỷ luật vì không có văn bản giải thích “ngay” là thế nào.

Theo khoản 2 Điều 147 BLTTDS thì đơn khởi kiện, đơn kháng cáo là những VBTTDS phải được cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tổ tụng. Trong thực tiễn thì Tòa án có thực hiện việc cấp Giấy báo nhận đơn khởi kiện cho người khởi kiện (điểm đ khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 05/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012); thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn, cá nhân, cơ quan tổ chức có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết vụ án và Viện kiểm sát cùng cấp (Điều 174 BLTTDS); thông báo về việc kháng cáo (Điều 249 BLTTDS). Tuy nhiên, đơn khởi kiện và đơn kháng cáo không phải là VBTTDS được cấp, tổng đạt và thông báo mà bản chất thì Tòa án thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chứa đựng nội dung phản ánh việc khởi kiện hay kháng cáo của người làm đơn cho những người liên quan biết. Vì vậy, việc quy định đơn khởi kiện, đơn kháng cáo là những VBTTDS phải được cấp, tổng đạt và thông báo văn bản là không hợp lý.

2.2.2. Các văn bản tổ tụng dân sự do Viện kiểm sát cấp, tổng đạt và thông báo

Viện kiểm sát là cơ quan tiến hành tổ tụng thực hiện kiểm sát các hoạt động tổ tụng dân sự theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Viện kiểm sát không có nhiệm vụ, quyền hạn giải quyết các vụ việc dân sự như Tòa án hay tổ chức thi hành án như cơ quan THADS. Viện kiểm sát chỉ kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong việc giải quyết vụ việc dân sự và thi hành án để đảm bảo cho việc giải quyết vụ việc dân sự và THADS kịp thời, đúng pháp luật. Chính vì vậy các VBTTDS được Viện

kiểm sát ban hành và cấp, tổng đạt và thông báo không nhiều. Hiện tại theo quy định của BLTTDS thì các VBTTDS được Viện kiểm sát cấp, tổng đạt và thông báo gồm: Quyết định kháng nghị phúc thẩm (Điều 253), quyết định giám đốc thẩm (Điều 290). Ngoài ra, theo quy định tại Điều 310 BLTTDS thì “các quy định về thủ tục tái thẩm được thực hiện như các quy định về thủ tục giám đốc thẩm”. Do vậy, quyết định kháng nghị tái thẩm cũng là VBTTDS mà Viện kiểm sát thực hiện cấp, tổng đạt, thông báo.

Theo Điều 253 BLTTDS thì sau khi thực hiện việc kháng nghị phúc thẩm thì Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị cho đương sự có liên quan đến kháng nghị; Điều 290 BLTTDS thì Quyết định kháng nghị giám đốc thẩm phải được gửi ngay cho Tòa án ra bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị, các đương sự, cơ quan THADS có thẩm quyền và những người khác có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến nội dung kháng nghị. Các quy định này không nói rõ thời hạn cụ thể Viện kiểm sát thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo mà chỉ quy định là gửi ngay. Việc quy định như vậy đôi khi dẫn đến nhiều cách hiểu không thống nhất khi thực hiện. Và cũng khó để quy trách nhiệm khi Viện kiểm sát thực hiện việc gửi muộn cho đương sự, cơ quan lên quan. Ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của của đương sự.

Ngoài ra, thì ngay tại Điều 253 BLTTDS thì về cách sử dụng ngôn từ cũng không chính xác. Tại Điều 253 thì quy định “thông báo về việc kháng nghị”, tại khoản 2 Điều 253 cũng ghi “người được thông báo về việc kháng nghị”, tuy nhiên tại khoản 1 Điều 253 thì lại quy định “Viện kiểm sát ra quyết định kháng nghị phải gửi ngay quyết định kháng nghị cho đương sự có liên quan đến kháng nghị”. Rõ ràng quyết định kháng nghị và thông báo về việc kháng nghị là 2 VBTTDS khác nhau. Việc quy định như vậy sẽ làm khó cho việc thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS của viện kiểm sát.

Bên cạnh đó, một số loại VBTTDS mà Viện kiểm sát ban hành đó là quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng, được quy định tại Điều 51 BLTTDS. Theo quy định này quyết định thay đổi kiểm sát viên trước khi mở phiên tòa và quyết

định cử kiểm sát viên thay thế là do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định. Tuy nhiên, trong các văn bản pháp luật hiện nay không có quy định nào quy định quyết định này phải được giao cho đương sự và những người liên quan trong vụ án. Tại Điều 147 BLTTDS cũng chỉ quy định quyết định của Tòa án là VBTTDS phải cấp, tổng đạt và thông báo chứ không nói đến quyết định của Viện kiểm sát. Việc không quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo đối với quyết định thay đổi Kiểm sát viên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng. Đây là một vấn đề mà pháp luật cần phải quy định thêm để hoàn thiện hơn trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

2.2.3. Các văn bản tố tụng dân sự do Cơ quan thi hành án dân sự cấp, tổng đạt và thông báo

Hiện nay việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS do cơ quan THADS thực hiện được quy định tại BLTTDS, LTHADS, Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009, Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 sửa đổi, đổi bổ sung Nghị định số 58/2009/NĐ-CP và một số văn bản hướng dẫn khác như Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS, Thông tư số 09/2011/TT-BTP ngày 30/5/2011 của Bộ tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các loại biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án... Theo các văn bản này thì các VBTTDS do cơ quan THADS cấp, tổng đạt và thông báo gồm các loại sau:

- Các quyết định về thi hành án như quyết định THA, quyết định hoãn THA, quyết định tạm đình chỉ THA, quyết định trả đơn yêu cầu THA quyết định khôi phục thời hiệu THA, quyết định cưỡng chế THA

- Các giấy báo thi hành án: Đây là văn bản được ban hành theo mẫu thống nhất do Bộ Tư pháp quy định để thông báo cho các đương sự biết những nội dung thông tin nhất định về THA để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ như giấy báo tự nguyện THA, giấy báo đương sự đến giải quyết việc THA...

- Giấy triệu tập thi hành án: Đây là văn bản do Chấp hành viên ban hành để triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc THA. Căn cứ để ban hành giấy triệu tập về THA dựa trên cơ sở, nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên quy định tại khoản 3 Điều 20 LTHADS.

- Thông báo từ chối nhận đơn yêu cầu thi hành án, thông báo tạm đình chỉ thi hành án, cưỡng chế thi hành án...

- Biên lai thu tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, phúc thẩm...

Nhìn chung, cơ quan THADS thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo đối với khá nhiều các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, trừ các quy định về hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS của cơ quan THADS được quy định trong BLTTDS, thì các văn bản khác như Luật Thi hành án, các thông tư, thông tư liên tịch đều chỉ quy định thủ tục thông báo về thi hành án. Trong đó, tất cả các VBTTDS như quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và văn bản khác có liên quan đến việc thi hành án đều phải thông báo cho đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan để họ thực hiện quyền, nghĩa vụ theo nội dung của văn bản đó. Đối với một số văn bản như giấy triệu tập thi hành án, biên lai thu tiền án phí, tạm ứng án phí, và một số quyết định rõ ràng không thể chỉ thực hiện việc bằng hình thức thông báo cho đương sự và những người có quyền nghĩa vụ liên quan mà tùy vào tính chất của văn bản mà một số văn bản cần phải được cấp và tổng đạt. (Ví dụ: Đối với biên lai thu tiền tạm ứng án phí, cơ quan THADS phải thực hiện việc cấp cho người nộp tiền tạm ứng án phí, để họ sử dụng biên lai đó nộp cho Tòa án làm các thủ tục thụ lý vụ án, chuyển hồ sơ kháng cáo; đối với giấy triệu tập thi hành án đây là văn bản mà cơ quan THADS phải thực hiện bằng hình thức tổng đạt để đảm bảo người phải thi hành án phải nhận được văn bản để họ thực hiện, ...). Do vậy, việc LTHADS và một số văn bản chỉ quy định việc thông báo thi hành án là một thiếu sót cần phải sửa đổi cho phù hợp.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 39 LTHADS thì “Việc thông báo phải thực hiện trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ra văn bản, trừ trường hợp cần ngăn chặn đương sự tẩu tán, hủy hoại tài sản, trốn tránh việc thi hành án.” Đây là

quy định mới của LTHADS so với PLTHADS năm 2004 và các văn bản pháp luật trước đây. Quy định này xác định rõ thời hạn mà cơ quan thi hành án, cán bộ ban hành văn bản phải thực hiện việc thông báo. Nó giúp cho việc thông báo văn bản của người ban hành đảm bảo được thực hiện; đảm bảo được quyền, lợi ích của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến văn bản thi hành án. Đồng thời cũng là cơ sở để truy cứu trách nhiệm đối với những cán bộ không thực hiện. Việc LTHADS quy định về thời hạn phải tiến hành thông báo là hết sức cần thiết, khắc phục phần nào tình trạng hồ sơ thi hành án bị “bỏ quên” mà không có lý do chính đáng.

2.2.4. Các văn bản tổ tụng dân sự do Văn phòng thừa phát lại cấp, tổng đạt và thông báo

Sau khi Chính phủ quy định về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh theo Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24 tháng 7 năm 2009 (được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013). Ngày 24/6/2013, Bộ trưởng Bộ Tư pháp đã ban hành Quyết định số 1531/QĐ-BTP về việc chọn địa phương mở rộng thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại. Theo đó, ngoài thành phố Hồ Chí Minh, Bộ trưởng Bộ Tư pháp quyết định mở rộng địa bàn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương là Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, Vĩnh Phúc, Thanh Hóa, Nghệ An, Bình Định, Đồng Nai, Bình Dương, Tiền Giang, An Giang, Vĩnh Long. Ngày 28/02/2014 Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC, Bộ tài chính cũng đã ra Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC về việc hướng dẫn thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội.

Theo Điều 3 của Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC: “Văn phòng Thừa phát lại thỏa thuận để tổng đạt văn bản của Tòa án (trừ Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao), Cơ quan THADS các cấp trên địa bàn cấp tỉnh nơi đặt Văn phòng Thừa phát lại, bao gồm: Giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định trong trường hợp xét

xử vắng mặt đương sự của Tòa án; các quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập của Cơ quan THADS. Trong trường hợp cần thiết, Tòa án, Cơ quan THADS có thể thỏa thuận với Văn phòng Thừa phát lại để tổng đạt các loại văn bản, giấy tờ khác.”

Như vậy, theo quy định này thì Văn phòng Thừa phát lại được thực hiện tổng đạt văn bản của Tòa án và Cơ quan THADS trên cơ sở thỏa thuận của của hai bên (trừ văn bản của Tòa phúc thẩm TANDTC). Việc thỏa thuận giữa Văn phòng Thừa phát lại với Tòa án và cơ quan THADS được thực hiện thông qua hợp đồng dịch vụ tổng đạt. Với hầu hết các văn bản do cơ quan THADS ban hành như quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản giấy tờ khác (những VBTTDS cơ quan THADS cấp, tổng đạt, thông báo) thì Văn phòng Thừa phát lại đều có thể thực hiện việc tổng đạt. Tuy nhiên, đối với các VBTTDS của Tòa án, không phải tất cả mọi trường hợp Văn phòng Thừa phát lại đều có thể được thực hiện việc tổng đạt. Chỉ có giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định trong trường hợp xét xử vắng mặt đương sự và một số loại văn bản khác (những VBTTDS do Tòa án cấp, tổng đạt, thông báo) khi có thỏa thuận Văn phòng Thừa phát lại mới được thực hiện việc tổng đạt. Các bản án, quyết định mà khi xét xử có mặt đương sự thì Văn phòng thừa phát lại không được thực hiện. Tuy nhiên, về nguyên tắc việc đương sự có mặt hay không có mặt tại phiên xét xử không ảnh hưởng gì đến quyền nhận các văn bản của họ. Hơn nữa, không phải trường nào Tòa án cũng giao được cho đương sự bản án, quyết định được ngay sau khi xét xử, nhất là những vụ án phức tạp, có nhiều đương sự. Do đó, việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS phải thực hiện sau đó một vài ngày. Pháp luật đưa hoạt động Thừa phát lại vào thí điểm là nhằm mục tiêu thực giảm áp lực công việc cho các cơ quan Tòa án, Thi hành án. Nhưng với quy định như trên thì rõ ràng đã hạn chế phần nào ý nghĩa của hoạt động Thừa phát lại.

Bên cạnh việc quy định Văn phòng Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các VBTTDS của Tòa án, Cơ quan Thi hành án thì pháp luật hiện nay còn quy định cụ thể về thời hạn Văn phòng Thừa phát lại tổng đạt và thủ tục tổng đạt nhằm đảm bảo

quyền và lợi ích hợp pháp cho người nhận văn bản. Văn phòng Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt các VBTTDS trong thời gian và theo thủ tục pháp luật tố tụng dân sự và pháp luật thi hành án dân sự quy định.

Tuy nhiên, về mặt cách sử dụng thuật ngữ hiện nay ở các văn bản vẫn chưa thống nhất. Tại Nghị định số 61/2009/NĐ-CP, Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC thì quy định Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt Giấy báo, giấy triệu tập, giấy mời, quyết định đưa vụ án ra xét xử, bản án, quyết định... Tại LTHADS và một số văn bản hướng dẫn thì lại sử dụng thuật ngữ thông báo quyết định về thi hành án, giấy báo, giấy triệu tập... Còn tại BLTTDS thì lại sử dụng cả 3 thuật ngữ cấp, tổng đạt và thông báo. Cấp, tổng đạt và thông báo là 3 thuật ngữ có ý nghĩa khác nhau. Và mỗi một loại văn bản Tòa án, Cơ quan THADS sử dụng một hình thức nhất định tùy vào tính chất và loại văn bản. Khi Văn phòng Thừa phát lại thực hiện thay Tòa án, Cơ quan THADS thông qua hợp đồng thì hoạt động của Thừa phát lại giống như người được Tòa án và Cơ quan THADS ủy quyền, do vậy hình thức thực hiện cũng không được khác với hình thức thực hiện của cơ quan ban hành văn bản. Việc chỉ sử dụng hình thức tổng đạt đối với Thừa phát lại là không phù hợp. Cần phải quy định cả 3 hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo đối với Thừa phát lại để thống nhất.

Ngoài ra, các quy định pháp luật hiện nay chỉ quy định Thừa phát lại thực hiện việc tổng đạt VBTTDS cho Tòa án, Cơ quan thi hành án. Trong khi một cơ quan tiến hành tố tụng là Viện kiểm sát cũng có nghĩa vụ ban hành và thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS lại không thấy quy định Thừa phát lại được thực hiện thay. Mặc dù về thực tế thì trong hoạt động tố tụng dân sự, số VBTTDS do Viện kiểm sát ban hành không nhiều. Tuy nhiên, trong thực hiện nhiệm vụ của mình Viện kiểm sát ngoài thực hiện nhiệm vụ theo tố tụng dân sự, thì các hoạt động liên quan đến lĩnh vực hình sự, hành chính... cũng rất vất vả. Do vậy, cũng cần quy định các văn bản của Viện kiểm sát có thể được Thừa phát lại thực hiện tổng đạt để pháp luật thêm hoàn chỉnh.

2.3. THỦ TỤC CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

Do các VBTTDS được cấp, tổng đạt và thông báo và những người được cấp, tổng đạt và thông báo rất đa dạng, do đó các thủ tục và phương thức cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS cũng rất đa dạng. Tùy từng trường hợp cụ thể, mà các chủ thể có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS sử dụng những thủ tục và phương thức phù hợp để bảo đảm được hiệu quả của việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Hiện nay, theo pháp luật hiện hành thì các thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được quy định ở các điều 151, 152, 153, 154, 155 và 156 BLTTDS; Điều 40, 41, 42 và 43 LTHADS; Điều 7 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009; Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS. Theo các quy định này thì việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có thể được thực hiện bằng các thủ tục sau:

2.3.1. Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp

Thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp được thực hiện theo quy định tại các điều 151, 152 và 153 BLTTDS; Điều 40 và Điều 41 LTHADS; Điều 7 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009; Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010. Đây là thủ tục đầu tiên và cũng là thủ tục cơ bản, quan trọng nhất trong số các thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Chỉ khi người có nghĩa vụ thực hiện không thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trực tiếp thì những thủ tục khác mới được tiến hành.

Theo quy định tại các điều 151, 152 và 153 BLTTDS thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo VBTTDS phải trực tiếp chuyển giao cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo VBTTDS có liên quan. Người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo VBTTDS ở đây chính là những người được quy định tại Điều 148 BLTTDS, bao gồm: Người tiến hành tố tụng, người của cơ quan ban hành VBTTDS được giao nhiệm vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo văn

bản tố tụng; UBND cấp xã nơi người tham gia tố tụng dân sự cư trú hoặc cơ quan, tổ chức nơi người tham gia tố tụng dân sự làm việc khi Tòa án có yêu cầu; Nhân viên bưu điện; Thừa phát lại... Khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trực tiếp thì người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo phải ký nhận vào biên bản hoặc sổ giao nhận văn bản tố tụng. Thời điểm để tính thời hạn tố tụng là ngày họ được cấp, tổng đạt hoặc thông báo văn bản tố tụng.

Ngoài trường hợp người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS giao được trực tiếp cho người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì pháp luật cũng dự liệu một số tình huống phát sinh khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đó là trường hợp người được cấp, thông báo hoặc tổng đạt là cá nhân thì VBTTDS cần cấp, thông báo, tổng đạt được trực tiếp chuyển cho họ. Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt thì VBTTDS có thể được giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với họ ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Ngày ký nhận của người thân thích cùng cư trú được coi là ngày được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Trong thực tế, thì khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho một cá nhân nào đó, thì không phải lúc nào người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng có ở nhà. Có thể họ lúc đó đi làm, đi chơi, hay đi đâu đó. Do vậy, người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS không phải trường hợp nào cũng có thể tự mình giao trực tiếp các VBTTDS cho những người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Vì vậy, việc pháp luật quy định giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với họ nhận thay và yêu cầu họ ký nhận và cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo là phù hợp. Con người dù đi làm hay đi đâu thì nơi cư trú chính là nơi gắn bó với họ. Hàng ngày họ phải về nhà để ăn, để ngủ... Do đó, người thân thích cùng cư trú là người trực tiếp tiếp xúc với những người này khi họ về nơi cư trú. Việc nhờ những người thân thích cùng cư trú giao các VBTTDS lại cho người được cấp, tổng đạt và thông báo sẽ đảm bảo gần như chắc chắn văn bản sẽ đến được tận

tay người được cấp, tổng đạt, thông báo. Tuy nhiên, không phải ai là người thân thích cùng nơi cư trú với người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng được phép nhờ để giao cho họ. Những người này phải có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Việc quy định như vậy, để nhằm đảm bảo những người này biết được việc giao văn bản đó có ý nghĩa thế nào đối với người được cấp, tổng đạt, thông báo. Đồng thời họ cũng biết được trách nhiệm của người nhận thay văn bản. Từ đó đảm bảo họ sẽ giao lại các văn bản đó cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Tránh trường hợp họ nhận văn bản sau đó xé, hoặc vứt đi... ảnh hưởng đến hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Một vấn đề nữa đó là người thân thích của người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS ở đây là ai. Hiện tại thì trong BLTTDS không quy định. Tuy nhiên theo hướng dẫn tại khoản 2 Điều 13 Nghị quyết 03/2012/NQ-HĐTP ngày 03/12/2012 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì: “2. *Người thân thích của đương sự là người có quan hệ sau đây với đương sự:*

a. Là vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của đương sự

b. Là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của đương sự;

c. Là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của đương sự;

d. Là cháu ruột của đương sự, mà đương sự là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột.”

Tuy đây không phải là quy định, hướng dẫn trực tiếp về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nhưng dựa trên hướng dẫn này, người có nhiệm vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS vẫn có thể xác định người thân thích của người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để đảm bảo việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thống nhất và hiệu quả hơn. Khi người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nhận văn bản thay, ký nhận và cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt

hoặc thông báo thì ngày ký nhận của người thân thích cùng cư trú được pháp luật coi là ngày được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng họ không chịu nhận hộ VBTTDS thì có thể chuyển giao văn bản đó cho tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là tổ trưởng tổ dân phố), Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú và yêu cầu những người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú là những cán bộ phụ trách địa bàn nơi người được cấp, tổng đạt và thông báo cư trú. Họ là người nắm bắt rõ ràng các hoạt động của người dân trong địa bàn mình quản lý. Sau người thân thích cùng cư trú, thì những người này chính là người nắm rõ tình hình của người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nhất. Vì vậy, trong trường hợp không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng không chịu nhận hộ VBTTDS thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có thể nhờ đến Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú để nhờ những người này giao cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo và yêu cầu những người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Trong trường hợp việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo qua người khác thì người thực hiện phải lập biên bản ghi rõ việc người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt, VBTTDS đã được giao cho ai; lý do; ngày, giờ giao; quan hệ giữa họ với nhau; cam kết giao lại tận tay ngay VBTTDS cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Biên bản có chữ ký của người nhận chuyển VBTTDS và người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo, người chứng kiến.

Biên bản trên sẽ được lưu lại, nó chính là căn cứ để chứng minh cơ quan ban hành văn bản, người thực hiện việc cấp tổng đạt đã thực hiện hết trách nhiệm

của mình trong việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho người được cấp, tổng đạt, thông báo.

Tuy nhiên, đối với trường hợp người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS giao lại VBTTDS cho Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú để những người này giao lại cho người được cấp, tổng đạt và thông báo thì pháp luật không quy định thời điểm nào là thời điểm Tòa án cấp, tổng đạt và thông báo hợp lệ. Vậy, thời điểm lập biên bản giữa người thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS với Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn có được coi là thời điểm đã tổng đạt hợp lệ chưa. Đây là một vấn đề vướng mắc trong thực tế. Hiện tại có 2 luồng quan điểm:

Quan điểm thứ nhất xác định thời điểm đó là thời điểm đã thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS xong vì người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã thực hiện hết trách nhiệm và hết các bước theo quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp.

Quan điểm thứ hai thì cho rằng thời điểm đó chưa phải là thời điểm tổng đạt hợp lệ. Vì Tổ trưởng tổ dân phố, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú là những cán bộ phụ trách địa bàn nơi người được cấp, tổng đạt và thông báo cư trú cũng chính là người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS theo quy định của Điều 148 BLTTDS. Do vậy, việc cấp, tổng đạt và thông báo chỉ là hợp lệ khi văn bản được giao trực tiếp cho người được cấp, tổng đạt và thông báo hoặc người thân thích đủ năng lực hành vi cùng cư trú với họ.

Nếu nhìn vào lý lẽ thì dường như mỗi quan điểm đều có những mặt tích cực nhất định. Quan điểm thứ hai có phần hợp lý hơn, vì nó đảm bảo được quyền của người được nhận văn bản hơn. Nó cũng nâng cao hơn được trách nhiệm cấp, tổng đạt và thông báo của cơ quan ban hành văn bản, người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng xảy ra trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo đã chuyển đến địa chỉ mới. Trong trường hợp này khi có căn cứ xác định người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS này đã chuyển đến địa điểm mới đó thì cơ quan ban hành văn bản, người thực hiện phải cấp, tổng đạt hoặc thông báo theo địa chỉ mới của họ.

Trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo có chữ ký của người cung cấp thông tin. Việc lập biên bản phản ánh sự việc, chính là căn cứ để cơ quan ban hành văn bản có cơ sở để thực hiện các biện pháp cấp, tổng đạt và thông báo khác.

Pháp luật tố tụng dân sự cũng dự liệu đối với trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo từ chối nhận văn bản tố tụng. Trong trường hợp này thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo phải lập biên bản, trong đó nêu rõ lý do của việc từ chối, có xác nhận của tổ trưởng tổ dân phố, UBND, công an xã, phường, thị trấn về việc người đó từ chối nhận văn bản tố tụng. Việc lập biên bản này là cơ sở để xác định người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã thực hiện hết trách nhiệm của mình, còn người được cấp, tổng đạt và thông báo từ chối quyền được nhận văn bản. Hiện tại, đối với trường hợp này pháp luật tố tụng cũng không quy định sau khi lập biên bản thì hậu quả pháp lý đối với việc người được cấp, tổng đạt và thông báo không nhận văn bản pháp luật này là gì và cũng không có quy định trình tự giải quyết tiếp theo. Vì vậy, có 2 quan điểm khác nhau: Quan điểm thứ nhất cho rằng đây là trường hợp không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp, do vậy, trình tự này, người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo sẽ phải thực hiện việc niêm yết công khai đối với văn bản đó theo quy định Điều 155 BLTTDS. Quan điểm thứ hai cho rằng người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã làm hết trách nhiệm, đó là giao văn bản cho người được cấp, tổng đạt, thông báo. Còn việc người được cấp, tổng đạt và thông báo từ chối nhận văn bản, tức là họ đã từ bỏ quyền nhận văn bản của mình. Họ phải

chịu hậu quả pháp lý đối với việc không nhận văn bản. Việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS coi như đã được thực hiện xong, và không cần phải thực hiện thêm việc niêm yết công khai văn bản đó nữa.

Thực tế, khi thực hiện việc cấp, tổng đạt hiện nay, các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án thường thực hiện theo quan điểm thứ hai để đảm bảo tiến độ giải quyết vụ án, hơn nữa cũng để đề cao tính trách nhiệm của người dân đối với việc chấp hành pháp luật. Tuy nhiên, khi nghiên cứu chúng ta có thể thấy quan điểm thứ nhất cũng có ít nhiều tính hợp lý. Vì bản chất của việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chính là phải giao được văn bản hoặc truyền đạt thông tin nội dung của văn bản đến người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Để người liên quan đến văn bản biết được quyền, nghĩa vụ của mình thực hiện. Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS từ chối nhận văn bản thì đương nhiên nội dung của văn bản người ta sẽ không biết được, do vậy, nếu người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chỉ dừng ở việc lập biên bản về việc người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS từ chối nhận thì sẽ không đảm bảo được việc truyền đạt thông tin trong văn bản đến họ. Do vậy, pháp luật cũng cần quy định rõ thêm đối với nội dung này để thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo được thực hiện một cách thông nhất.

Trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo là cơ quan, tổ chức thì VBTTDS phải được giao trực tiếp cho người đại diện theo pháp luật hoặc người chịu trách nhiệm nhận văn bản của cơ quan, tổ chức đó và phải được những người này ký nhận. Trong trường hợp cơ quan, tổ chức được cấp, tổng đạt hoặc thông báo có người đại diện tham gia tố tụng hoặc cử người đại diện nhận VBTTDS thì những người này ký nhận VBTTDS đó. Ngày ký nhận là ngày được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Đối với thủ tục cấp, tổng đạt, thông trực tiếp các VBTTDS của cơ quan THADS hiện nay được quy định tại luật chuyên ngành, cụ thể tại Điều 40, 41 LTHADS và được hướng dẫn tại Điều 7 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009; Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC

ngày 26/7/2010. Về nguyên tắc, trường hợp đối với cùng một vấn đề mà BLTTDS và Luật chuyên ngành cùng quy định, thì quy định của Luật chuyên ngành sẽ được ưu tiên áp dụng. Trường hợp Luật chuyên ngành không quy định, khi đó mới áp dụng quy định của BLTTDS. Do vậy, khi thực hiện hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS liên quan đến hoạt động thi hành án thì chúng ta cần phải sử dụng các quy định của LTHADS trước.

Nhìn chung các quy định về thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp VBTTDS hiện nay được quy định tại LTHADS cũng tương đối thống nhất đối với các quy định của Bộ luật tố tụng. Tuy nhiên, khi nghiên cứu, chúng ta có thể thấy thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp văn bản được quy định trong LTHADS cũng có một số điểm khác đối với quy định của BLTTDS, cụ thể như sau:

Thứ nhất, quy định tại LTHADS và các văn bản hướng dẫn LTHADS thì chỉ quy định thủ tục thông báo trực tiếp các văn bản về thi hành án, các thủ tục cấp, tổng đạt văn bản trực tiếp không có quy định. Việc quy định này cho thấy sự bất hợp lý, vì một số văn bản về thi hành án không phải chỉ thực hiện bằng hình thức thông báo, mà bên cạnh đó còn có các hoạt động cấp và tổng đạt.

Thứ hai, tại khoản 1 Điều 40 LTHADS, thì ngoài quy định người được thông báo phải ký nhận văn bản thì cũng quy định thêm hình thức điểm chỉ để xác nhận việc đã nhận VBTTDS. Đây là quy định mới so với quy định của BLTTDS. Quy định này giúp cho thủ tục thông báo trực tiếp được dễ dàng hơn đối với trường hợp người nhận văn bản không biết chữ, hoặc không thể viết. Việc điểm chỉ sẽ là một căn cứ để chứng minh cho việc họ nhận văn bản.

Thứ ba, LTHADS cũng quy định rõ hơn so với BLTTDS về thành phần những người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người được thông báo vắng mặt gồm: vợ, chồng, con, ông, bà, cha, mẹ, bác, chú, cô, cậu, dì, anh, chị, em của đương sự, của vợ hoặc chồng của đương sự. Do vậy, sẽ dễ dàng hơn cho những người thực hiện việc thông báo thi hành án. Đồng thời cũng dễ dàng để xác định việc thông báo cho người thân thích cùng cư trú thế nào là hợp lệ.

Ngoài ra, LTHADS cũng quy định “Trường hợp người được thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng người đó từ chối nhận văn bản thông báo hoặc người được thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về thì người thực hiện thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo, có chữ ký của người chứng kiến và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 42 của Luật này.” Quy định này, cũng rõ ràng hơn so với quy định của BLTTDS. nó giúp cho người thực hiện xác định được trách nhiệm niêm yết công khai.

Thứ tư, tại khoản 6 Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong THADS quy định: “6. Nếu người được nhận thông báo từ chối hoặc cố tình không nhận thông báo thì người thông báo lập biên bản về việc từ chối và nêu rõ lý do có xác nhận của người làm chứng. Người được thông báo được coi là đã được thông báo hợp lệ”. Đối với trường hợp này, quy định đối với thủ tục thông báo thi hành án, rõ ràng cụ thể hơn quy định của BLTTDS. Nó đã xác định được hậu quả pháp lý của người từ chối nhận VBTTDS khi được thông báo. Bên cạnh đó, nó cũng giúp cho người thực hiện việc thông báo thi hành án có phương án đưa ra được cách xử lý phù hợp. Tạo thuận lợi cho hoạt động thông báo VBTTDS khi người được nhận VBTTDS gây khó khăn cho hoạt động thông báo của cơ quan nhà nước.

Thứ năm, tại Điều 7 Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009 và Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn về thủ tục thông báo về thi hành án cũng thừa nhận một hình thức thông báo rất mới so với BLTTDS, đó là hình thức thông báo bằng điện tín, fax, email hoặc hình thức khác theo yêu cầu của đương sự. Theo đó, trường hợp đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan yêu cầu được nhận thông báo bằng điện tín, fax, email hoặc hình thức khác thì việc thông báo trực tiếp có thể được thực hiện theo hình thức đó nếu không gây trở ngại cho cơ quan THADS. Chấp hành viên phải lưu vào hồ sơ thi hành án văn bản thể hiện yêu cầu, văn bản cần

thông báo và văn bản thể hiện kết quả thông báo như bức điện tín, thư điện tử, báo cáo bản fax đã được gửi.

Trong giai đoạn hiện nay, trình độ khoa học, công nghệ không ngừng phát triển. Điện tín, fax, thư điện tử... rất gần gũi đối với mỗi cá nhân. Trong khi đó hoạt động của con người thì cũng rộng hơn, thời gian ở cố định một địa điểm cũng ít đi. Việc thực hiện thông báo bằng văn bản đưa trực tiếp cho người nhận đôi khi gặp rất nhiều khó khăn. Do vậy, quy định đưa hình thức thông báo trực tiếp thông qua điện tín, fax, email... sẽ góp phần rất hiệu quả trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Người được thông báo văn bản tuy không trực tiếp được nhận văn bản gốc ngay, nhưng họ vẫn có thể biết được các thông tin cụ thể trong văn bản thông qua điện tín, fax, email... một cách nhanh chóng. Do đó, họ có đủ thời gian để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của họ. Rút ngắn được thời gian giải quyết các vụ việc.

Tuy nhiên, khi thực hiện việc thông báo bằng điện tín, fax, email, hoặc hình thức khác thì một yêu cầu rất quan trọng đối với người thực hiện việc thông báo đó là đương sự phải có yêu cầu của đương sự, người có quyền, nghĩa vụ liên quan đến văn bản. Yêu cầu này chính là căn cứ để cơ quan THADS thực hiện việc thông báo điện tín, fax, thư điện tử... cho người được nhận thông báo.

Nhìn chung, thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp hiện nay được BLTTDS quy định khá đầy đủ và chặt chẽ. LTHADS và các văn bản hướng dẫn được ban hành sau đã kế thừa các quy định của BLTTDS, bên cạnh đó cũng đưa ra được một số quy định có tính phát triển. Qua đó, ngày càng giúp hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp dễ thực hiện hơn.

2.3.2. Thủ tục niêm yết công khai

Trong quá trình giải quyết vụ việc nhiều trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát hoặc cơ quan THADS không xác định được rõ tung tích của người được cấp, tổng đạt, thông báo hoặc không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo trực tiếp. Do đó, ảnh hưởng đến hoạt động giải quyết các vụ việc. Ngoài ra, một số trường hợp đối tượng cần thông báo gồm rất nhiều thành phần trong xã hội. Vì vậy,

để vụ việc vẫn tiếp tục được giải quyết, không ảnh hưởng đến quyền lợi của các đương sự khác thì pháp luật đã quy định thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng. Bản chất thủ tục này chính là dán các VBTTDS cần cấp, tổng đạt và thông báo tại nơi công cộng, đông người qua lại, để những người dân đọc được văn bản đó. Thông qua đó, người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng biết được nội dung của văn bản, biết được quyền, nghĩa vụ của mình để thực hiện; Nó cũng là bằng chứng chứng minh người có nghĩa vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đã thực hiện hết trách nhiệm của mình. Bên cạnh đó, cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, THADS có cơ sở để giải quyết các vụ việc, không bị quá thời hạn giải quyết; hạn chế được các vụ việc tồn đọng.

Cũng giống như thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp, thủ tục niêm yết công khai VBTTDS hiện nay được quy định ở hai loại văn bản quy phạm khác nhau đó là Bộ luật tố tụng dân sự và LTHADS. BLTTDS thì quy định thủ tục niêm yết công khai VBTTDS một cách chung nhất đối với tất cả các loại văn bản cần được cấp, tổng đạt, thông báo. Trong khi đó, LTHADS thì quy định thủ tục niêm yết công khai đối với các thông báo về thi hành án.

Hiện tại, các quy định về niêm yết công khai VBTTDS được quy định tại Điều 154 BLTTDS và Điều 42 LTHADS.

Theo quy định tại Điều 154 BLTTDS thì việc niêm yết công khai chỉ được thực hiện khi không rõ tung tích hoặc nơi cư trú chính thức của người được cấp, tổng đạt và thông báo hoặc không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp. Tức là ngoài các trường hợp trên, người có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS không được phép thực hiện việc niêm yết công khai VBTTDS; việc niêm yết công khai không thỏa mãn điều kiện trên sẽ bị coi là không hợp lệ. Tuy nhiên, BLTTDS không quy định rõ trường hợp thế nào là không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp. Hiện tại chỉ có khoản 5 Điều 152 BLTTDS quy định “*Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về hoặc không rõ địa chỉ thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo phải lập biên bản về việc không thực*

hiện được việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo có chữ ký của người cung cấp thông tin.” Ngoài trường hợp này thì BLTTDS không quy định trường hợp nào khác. Do vậy, việc xác định trường hợp nào là không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo để thực hiện thủ tục niêm yết gặp khá nhiều khó khăn.

Khi thực hiện việc niêm yết công khai VBTTDS thì Tòa án có thể trực tiếp hoặc ủy quyền cho UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, thông báo, tổng đạt thực hiện việc niêm yết công khai văn bản tố tụng. Bản chính của VBTTDS được niêm yết tại trụ sở Tòa án, UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, thông báo, tổng đạt, bản sao được niêm yết tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, thông báo, tổng đạt. Tòa án hoặc UBND cấp xã phải cho lập biên bản phản ánh lại việc niêm yết công khai văn bản tố tụng. Trong biên bản phải ghi rõ ngày, tháng, năm tiến hành niêm yết; thời gian niêm yết công khai VBTTDS là mười lăm ngày, kể từ ngày niêm yết.

Việc niêm yết công khai là nhằm để người được cấp, tổng đạt và thông báo biết được nội dung văn bản tố tụng. Có thể do họ tình cờ thấy hoặc những người biết được tung tích của họ thấy và báo lại cho họ biết. Trụ sở Tòa án, UBND cấp xã nơi cư trú (nơi cư trú cuối cùng) và nơi cư trú (nơi cư trú cuối cùng) của người được cấp, thông báo, tổng đạt chính là nơi mà người được cấp, tổng đạt và thông báo hoặc người thân thích của họ có nhiều khả năng nắm bắt thông tin nhất. Người có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo cũng không thể thực hiện việc niêm yết ở tất cả mọi nơi. Do vậy, việc niêm yết ở những nơi như vậy là phù hợp với thực tế giải quyết giai đoạn hiện nay.

Đối với thủ tục niêm yết công khai các thông báo về THADS hiện nay được quy định tại Điều 42 LTHADS và khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010. So với thủ tục niêm yết công khai được quy định trong BLTTDS thì thủ tục niêm yết công khai đối với các thông báo về THADS được quy định trong LTHADS có nhiều điểm khác biệt, cụ thể:

Đối với thủ tục niêm yết công khai VBTTDS được quy định tại BLTTDS thì điều kiện để thực hiện việc niêm yết công khai đó là việc niêm yết công khai chỉ được thực hiện khi không rõ tung tích hoặc nơi cư trú chính thức của người được cấp, tổng đạt và thông báo hoặc không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp. Đối với thủ tục niêm yết công khai thông báo về thi hành án thì ngoài 2 trường hợp không rõ địa chỉ của người được thông báo, không thể thực hiện được việc thông báo trực tiếp thì LTHADS cũng quy định một quy định mở đó là “trừ trường hợp pháp luật có quy định khác”. Tại khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 quy định trường hợp trường hợp niêm yết để bán đấu giá tài sản thì nơi niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá. Đây chính là một trường hợp khác mà pháp luật quy định phải thực hiện thủ tục niêm yết công khai. Việc niêm yết công khai đối với thủ tục này là do hoạt động đặc thù đối với thủ tục đấu giá, cần phải thông báo rộng rãi để toàn thể nhân dân biết việc đến tham gia đấu giá tài sản.

Đối với trường hợp không thực hiện được việc thông báo trực tiếp. Ngoài trường hợp người được thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về như BLTTDS thì tại khoản 2 Điều 40 LTHADS còn quy định “*Trường hợp người được thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng người đó từ chối nhận văn bản thông báo hoặc người được thông báo vắng mặt mà không rõ thời điểm trở về thì người thực hiện thông báo phải lập biên bản về việc không thực hiện được thông báo, có chữ ký của người chứng kiến và thực hiện việc niêm yết công khai theo quy định tại Điều 42 của Luật này.*” Rõ ràng, LTHADS xác định trường hợp phải thực hiện thủ tục niêm yết được cụ thể hơn, tránh được việc không thực hiện thủ tục niêm yết công khai, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người được nhận thông thi hành án.

Về chủ thể thực hiện niêm yết thông báo thi hành án: Nếu như ở BLTTDS thì chủ thể thực hiện việc niêm yết chỉ có thể là Tòa án hoặc UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt và thông báo được Tòa án ủy quyền. Thì ở LTHADS ngoài cơ quan ban hành văn bản là cơ quan THADS

trực tiếp thực hiện việc niêm yết; ủy quyền cho UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo thì cá nhân, tổ chức có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật cũng có thể được cơ quan THADS ủy quyền thực hiện việc niêm yết. Hoạt động niêm yết cũng chỉ nhằm để công khai văn bản tố tụng, để người được thông báo nắm được nội dung của thông báo. Do vậy, điều quan trọng nhất là thủ tục niêm yết được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật. Việc LTHADS quy định mở rộng chủ thể có quyền thực hiện việc niêm yết là một hướng đi đúng, góp phần vào việc giảm áp lực công việc tập trung vào các cơ quan ban hành văn bản.

Đối với thủ tục niêm yết công khai: theo quy định tại khoản 2 Điều 42 LTHADS và khoản 7 Điều 3 Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC thì thủ tục niêm yết công khai đối với các thông báo về thi hành án mà người thực hiện việc niêm yết phải thực hiện là: Niêm yết văn bản thông báo tại trụ sở cơ quan THADS, trụ sở UBND cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được thông báo. Khi thực hiện việc niêm yết công khai thì người thực hiện phải lập biên bản về việc niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết; số, ngày, tháng, năm, tên của văn bản thông báo; có chữ ký của người chứng kiến. Thời gian niêm yết công khai văn bản thông báo là 10 ngày, kể từ ngày niêm yết. Ngày niêm yết là ngày được thông báo hợp lệ. Trường hợp niêm yết để bán đấu giá tài sản thì nơi niêm yết thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá.

Khác với thủ tục niêm yết công khai được quy định trong BLTTDS, thủ tục niêm yết công khai thông báo về thi hành án không quy định địa điểm nào phải niêm yết bản chính, địa điểm nào phải niêm yết bản sao. Đây cũng là một điểm tiến bộ của LTHADS so với BLTTDS, vì mục đích của việc niêm yết công khai chính là để người được cấp, tổng đạt và thông báo biết được nội dung của văn bản cần cấp, tổng đạt, thông báo. Việc niêm yết ở trụ sở cơ quan ban hành văn bản, UBND cấp xã, nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt và thông báo cũng là để họ biết được nội dung của văn bản. Do vậy, về nguyên tắc thì các văn bản niêm yết này phải giống nhau. Do vậy, việc BLTTDS quy định: Niêm yết bản chính tại trụ sở Tòa án, UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của

người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo; Niêm yết bản sao tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vô hình chung đi ngược với nguyên tắc này. Hơn nữa, quy định như vậy cũng tạo ra sự phức tạp hơn cho hoạt động niêm yết.

Về vấn đề thời hạn niêm yết: Theo quy định tại khoản 3 Điều 154 BLTTDS thì thời hạn niêm yết công khai là 15 ngày, kể từ ngày niêm yết. Trong khi đó tại khoản 3 Điều 42 LTHADS thì quy định thời hạn này là 10 ngày. Về bản chất thì hoạt động niêm yết ở giai đoạn nào cũng là nhằm mục đích để người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nắm được nội dung văn bản. Do vậy, việc niêm yết công khai cần có một thời gian hợp lý để người được cấp, tổng đạt và thông báo biết được nội dung thông tin của văn bản được niêm yết công khai. Thực tế thì thời gian để người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS nắm bắt được thông tin của văn bản niêm yết ở mỗi trường hợp lại khác nhau. Có trường hợp sau khi niêm yết công khai một thời gian ngắn là người đó đã nắm bắt được nội dung của văn bản, nhưng có trường hợp sau khi niêm yết công khai thì vì một lý do khách quan nào đó họ cũng không biết được nội dung văn bản trong thời hạn quy định. Do đó, việc niêm yết công khai đôi khi chỉ là một thủ tục để cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án tiến hành các bước tiếp theo. Tuy nhiên, dù là với mục đích là gì thì cùng một hoạt động niêm yết công khai, việc hai loại văn bản quy phạm là BLTTDS và LTHADS quy định thời hạn khác nhau là không hợp lý và không có cơ sở khoa học. Việc quy định như vậy sẽ dẫn đến sự tùy tiện trong hoạt động lập pháp.

Nhìn chung thì hoạt động niêm yết công khai đối với các thông báo về thi hành án đã kế thừa các quy định của BLTTDS, bên cạnh đó nó cũng đã có nhiều điểm phát triển tiên bộ hơn. Tuy nhiên, quy định về thủ tục niêm yết công khai hiện nay vẫn còn một số vấn đề chung đó là:

Theo quy định BLTTDS thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt trực tiếp có quy định phân biệt ra thủ tục cấp, thông báo hoặc tổng đạt trực tiếp cho cá nhân (Điều 152) và thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt trực tiếp cho cơ quan, tổ chức (Điều 153). Tuy nhiên, trong thủ tục niêm yết công khai lại không có quy định riêng ra cho hai

loại đương sự như trên, mà chỉ có thủ tục niêm yết công khai đối với đương sự là cá nhân mà thôi. Vậy trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức thì tiến hành theo thủ tục như thế nào? Niêm yết tại trụ sở cơ quan, tổ chức hay tại nơi cư trú của đại diện theo pháp luật hoặc đại diện theo ủy quyền của cơ quan, tổ chức đó? Đây là vấn đề vướng mắc đặt ra hiện nay cần có quy định cụ thể để đảm bảo tính thống nhất theo quy định của pháp luật trong thủ tục này.

Một vấn đề nữa trong quy định về niêm yết công khai trong các quy định hiện nay đó là: Hiện tại cả BLTTDS và LTHADS cũng chỉ quy định Tòa án và cơ quan THADS trực tiếp thực hiện việc niêm yết công khai, không có quy định nào nói về việc thực hiện niêm yết công khai của cơ quan viện kiểm sát, mặc dù các VBTTDS không phải chỉ có Tòa án và cơ quan THADS mới ban hành. Ngoài Tòa án, cơ quan THADS thì Viện kiểm sát cũng là một cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản tố tụng, và có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Việc quy định như vậy, đã hạn chế hoạt động của viện kiểm sát trong việc niêm yết công khai các văn bản do mình ban hành, và cũng là bất hợp lý trong quy định.

2.3.3. Thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng

Đây là thủ tục thứ 3, sau thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp và thủ tục niêm yết công khai văn bản tố tụng. Mục đích của thủ tục này là dựa vào phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài phát thanh, đài truyền hình để phát đi thông tin của thông báo, để người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS biết được thông tin khi nghe được, đọc được. Hoặc được biết thông tin đó thông qua những người xung quanh nghe được, đọc được nói lại cho người đó biết nội dung thông báo. Qua đó, người được thông báo biết được quyền, nghĩa vụ của mình để thực hiện.

Khác với niêm yết thì phạm vi thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng rộng hơn rất nhiều. Nếu ở thủ tục niêm yết thì chỉ niêm yết ở trụ sở Tòa án, UBND cấp xã nơi cư trú (nơi cư trú cuối cùng) và nơi cư trú (nơi cư trú

cuối cùng) của người được cấp, tổng đạt, thông báo. Phạm vi truyền thông tin chỉ nhằm vào những người đến Tòa án, UBND hoặc những người xung quanh nơi cư trú đọc được văn bản niêm yết, thì thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối tượng truyền thông tin là tới tất cả mọi người trên phạm vi tỉnh, quốc gia.

Cũng giống như thủ tục niêm yết công khai và thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp, thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hiện nay cũng được quy định chủ yếu ở hai loại văn bản quy phạm pháp luật là BLTTDS và LTHADS. BLTTDS quy định chung nhất đối với thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. LTHADS thì quy định riêng đối với thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với riêng hoạt động thông báo về thi hành án. Tuy nhiên trường hợp quy định của luật chuyên ngành không quy định thì các quy định của BLTTDS sẽ được áp dụng khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS dân sự.

Theo Điều 155 BLTTDS thì điều kiện để thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đó là: khi pháp luật có quy định hoặc có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Ngoài ra, việc thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng cũng được thực hiện nếu có yêu cầu của đương sự khác. Trường hợp đương sự yêu cầu thông báo VBTTDS trên phương tiện thông tin đại chúng thì lệ phí thông báo do đương sự có yêu cầu thông báo phải chịu.

Khi thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì một vấn đề rất quan trọng đó là các cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS phải thực hiện việc thông báo này thông qua các cơ quan báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình. Các cơ quan này đều là các đơn vị sự nghiệp có thu, vì vậy các hoạt động thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đều mất khá nhiều chi phí dịch vụ. Việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng hiệu quả cũng không cao. Thời gian để thực hiện cũng mất nhiều hơn các thủ tục khác. Do vậy, việc thông báo

trên phương tiện thông tin đại chúng trên thực tế thường rất ít được thực hiện, chỉ trừ những trường hợp pháp luật quy định bắt buộc phải thực hiện như trường hợp thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú (Điều 327); thông báo tìm kiếm người bị yêu cầu tuyên bố mất tích (Điều 331)...

Hiện tại theo quy định BLTTDS thì thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phải được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp. Việc quy định này nhằm mục đích để người được thông báo có khả năng nắm bắt được nội dung của thông báo khi nghe, đọc được nội dung thông tin được đăng trên báo, Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình.

Đối với việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với các thông báo về thi hành án thì được quy định tại Điều 43 LTHADS.

Theo khoản 1 Điều 43 LTHADS thì điều kiện để thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đó là khi pháp luật có quy định hoặc khi đương sự có yêu cầu. So với BLTTDS thì trường hợp “có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt hoặc thông báo” đã không được nói đến ở đây. Thực tế thì đối với quy định trên của BLTTDS đưa rất khó thực hiện. Rất hiếm khi có trường hợp nào cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS xét thấy “việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo nhận được thông tin về văn bản cần được cấp, tổng đạt hoặc thông báo” mà tự mình áp dụng biện pháp thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Vì xuất phát từ lý do kinh phí phải thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng rất lớn. Do đó, trong thực tế chỉ những trường hợp pháp luật quy định bắt buộc hoặc đương sự có yêu cầu thì việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng mới được thực hiện. Do vậy, việc LTHADS không quy định trường hợp nêu trên là phù hợp hơn so với quy định của BLTTDS.

Đối với thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, theo quy định tại LTHADS thì tách ra thành hai trường hợp cụ thể. Trường hợp xác định

đương sự đang có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương của địa phương đó hai lần trong 02 ngày liên tiếp. Trường hợp xác định đương sự không có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú thì việc thông báo được thực hiện trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình của trung ương hai lần trong 02 ngày liên tiếp. Việc quy định phân tách ra các trường hợp như vậy là một điểm mới so với BLTTDS. Khi xác định được đương sự có mặt tại địa phương nơi đương sự cư trú thì việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng tại báo, đài phát thanh, đài truyền hình địa phương sẽ được thuận tiện hơn. Người thực hiện cũng giảm được các chi phí đi lại, cũng như chi phí dịch vụ đăng báo, đài hơn so với khi phải thực hiện tại các báo, đài trung ương. Tuy nhiên, tại BLTTDS thì quy định *“thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng phải được đăng trên báo hàng ngày của trung ương trong ba số liên tiếp và phát sóng trên Đài phát thanh hoặc Đài truyền hình của trung ương ba lần trong ba ngày liên tiếp”* trong khi đó đối với LTHADS thì chỉ quy định đăng trên báo ngày trong hai số liên tiếp hoặc trên đài phát thanh, đài truyền hình hai lần trong 02 ngày liên tiếp. Xem xét về mục đích, ý nghĩa của việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng thì dù là thông báo loại văn bản nào đi nữa, mục đích của thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cũng là để người được thông báo biết được nội dung thông báo để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Số lần đăng tải thông tin của báo, đài chỉ là để cân đối giữa việc đảm bảo chi phí hoạt động thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng, thời hạn để giải quyết vụ việc, thời gian hợp lý để người được thông báo nắm bắt được nội dung thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng. Tuy nhiên, cùng với mục đích, ý nghĩa nhưng quy định tại BLTTDS và LTHADS lại khác nhau về số lần đăng tải trên phương tiện thông tin đại chúng. Điều này cho thấy việc quy định như vậy là không có cơ sở khoa học cần phải điều chỉnh.

Ngoài ra, khoản 3 Điều 43 LTHADS quy định *“ngày thực hiện việc thông báo lần hai trên phương tiện thông tin đại chúng là ngày được thông báo hợp lệ”*.

Tuy nhiên, việc thực hiện thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng được thực hiện trên cả báo, đài phát thanh và đài truyền hình. Không phải việc thực hiện trên trên các phương tiện thông tin đại chúng này đều trùng ngày với nhau. Do vậy, quy định việc thông báo lần hai trên phương tiện thông tin đại chúng là dựa trên phương tiện báo, đài phát thanh hay đài truyền hình. Đây là một nội dung mà pháp luật cũng cần xem xét để quy định rõ ràng hơn.

Tóm lại, các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng mặc dù được quy định khá chi tiết và cụ thể. Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn tồn tại một số quy định vẫn chưa phù hợp với lý luận cũng như thực tiễn; một số quy định còn chung chung, chưa rõ ràng. Ngoài ra, còn một số vấn đề rất quan trọng liên quan đến hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS nhưng lại không được pháp luật quy định điều chỉnh. Từ đó, dẫn tới việc áp dụng pháp luật trong thực tế gặp nhiều khó khăn. Các quy định về cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS vẫn cần tiếp tục phải chỉnh sửa để ngày càng hoàn thiện hơn.

Chương 3:

THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ VÀ KIẾN NGHỊ

3.1. THỰC TIỄN THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM HIỆN HÀNH VỀ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỔ TỤNG DÂN SỰ

3.1.1. Những kết quả đạt được trong việc thực hiện các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự

Trong những năm qua, công tác tư pháp luôn nhận được sự quan tâm sâu sát từ đảng và nhà nước ta. Nhiều chính sách, pháp luật đã được đưa ra triển khai từ trung ương đến địa phương nhằm tăng cường cải cách tư pháp một cách triệt để, góp phần vào công cuộc xây dựng đất nước giàu có, công bằng, thịnh vượng, văn minh. Trong các hoạt động cải cách tư pháp, một nhiệm vụ quan trọng đó là xây dựng các quy định pháp luật ngày càng hoàn thiện, sao cho phù hợp với điều kiện khách quan của đất nước. Hiện tại, chúng ta đã xây dựng được 02 văn bản quan trọng liên quan đến hoạt động tố tụng dân sự đó là: LTHADS và BLTTDS.

LTHADS ra đời đánh dấu sự phát triển to lớn về lĩnh vực THADS, điều chỉnh một cách tương đối đầy đủ và toàn diện từ hệ thống tổ chức cơ quan THADS, trình tự, thủ tục THADS, cơ chế phối hợp trong công tác THADS ... Đồng thời, cùng với đó luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS được Quốc hội khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29/3/2011, có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2012 đã đáp ứng yêu cầu cấp bách của thực tiễn giải quyết các VVDS trong giai đoạn hiện nay. Để từ đó, các cơ quan tiến hành tố tụng có cơ sở vững chắc trong quá trình triển khai, thực hiện được thuận lợi, chất lượng và hiệu quả công tác được nâng lên rõ rệt, góp phần cùng các cấp thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội trong tình hình mới.

Là một bộ phận không thể thiếu trong các VBTTDS trên, hoạt động cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS cũng luôn được chú trọng, nghiên cứu, bổ sung để phù hợp hơn với thực tiễn. Chính nhờ việc quy định ngày càng đầy đủ mà hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong những năm qua cũng đã đạt được những kết quả rất khả quan:

Thứ nhất, các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay góp phần rất lớn trong việc giải quyết các vụ việc dân sự. Trong những năm gần đây, tỷ lệ giải quyết các tranh chấp dân sự, THADS ngày càng tăng. Mặc dù số VVDS, THADS hàng năm đều tăng, nhưng tỷ lệ giải quyết vẫn đảm bảo năm sau cao hơn năm trước. Ví dụ: Năm 2011 tổng số các loại vụ án dân sự là 246.951 vụ việc giải quyết, xét xử được 222.386, đạt tỷ lệ 90% đến năm 2012 Toà án nhân dân các cấp đã thụ lý 271.306 vụ (tăng 24.391) giải quyết, xét xử được 246.215 vụ việc (tăng 23.829 vụ việc) đạt tỷ lệ 91% [2].

Thứ hai, các quy định về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay tương đối hoàn thiện, rõ ràng đã giúp cho việc thực hiện các công việc liên quan đến giao các VBTTDS dễ thực hiện hơn. Hạn chế dần những cách hiểu không thống nhất, giảm những sai sót trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Thứ ba, việc quy định cụ thể từng biện pháp, cách thức cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay đã giúp cho quyền và lợi ích hợp pháp của người dân ngày càng được đảm bảo hơn. Nó nâng cao được tính minh bạch trong giải quyết các vụ việc dân sự. Từ đó góp phần giữ niềm tin cho người dân.

Thứ tư, các quy định cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay cũng đã góp phần giúp cho các vụ việc giải quyết các vụ việc được nhanh chóng, đảm bảo được thời hạn giải quyết, xét xử của Tòa án, Viện kiểm sát cũng như Thi hành án.

3.1.2. Những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự và thực tiễn thực hiện

3.1.2.1. Những hạn chế, bất cập trong các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Thứ nhất, pháp luật hiện hành quy định rất nhiều loại văn bản phải được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, tuy nhiên, một số loại VBTTDS mà Viện kiểm sát ban hành đó là quyết định thay đổi kiểm sát viên trước khi mở phiên tòa, quyết định cử Kiểm sát viên thay thế được quy định tại Điều 51 BLTTDS do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện trưởng Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp quyết định hiện nay không có quy định nào quy định quyết định này phải được giao cho đương sự và những người liên quan trong vụ án. Tại Điều 147 BLTTDS cũng chỉ quy định quyết định của Tòa án là VBTTDS phải cấp, tổng đạt và thông báo chứ không nói đến quyết định của Viện kiểm sát. Việc không quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo đối với quyết định thay đổi Kiểm sát viên sẽ ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của những người tham gia tố tụng.

Thứ hai, một số quy định của BLTTDS như Điều 186, Điều 195, Điều 253, Điều 290... BLTTDS không nói rõ thời hạn cụ thể các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo mà chỉ quy định là gửi ngay. Việc quy định như vậy rất không rõ ràng, đôi khi dẫn đến nhiều cách hiểu không thống nhất khi thực hiện. Và cũng khó để quy trách nhiệm cho cán bộ thực hiện việc gửi muôn VBTTDS. Ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích của đương sự.

Thứ ba, các quy định về thủ tục cấp, tổng đạt, thông báo, VBTTDS hiện nay mặc dù quy định thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo liên quan rất nhiều đến trưởng thôn, tổ trưởng tổ dân phố, công an xã... tuy nhiên kinh phí để hỗ trợ đối với những cán bộ này khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì không được đề cập đến. Trong khi đó, họ phải trực tiếp thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho đương sự, cá nhân, tổ chức liên quan khi được cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án yêu cầu. Việc thực hiện các hoạt động này, ngoài thời gian, công sức thì nhiều trường hợp còn mất chi phí xăng xe, đi lại, gọi điện thoại, mực, giấy... của họ. Dẫn đến nhiều trường hợp khi các cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, THA nhờ họ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thay thì gặp rất nhiều khó khăn, thường bị những người này lấy lý do để từ chối thực hiện; có trường hợp thì họ đồng ý thực hiện thay, nhưng mang tính chất miễn cưỡng và tỏ ra khó chịu. Do vậy, ảnh hưởng

rất lớn đến việc thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS của các cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án.

Thứ tư, đối với thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp cho cá nhân: Tại Khoản 2 Điều 152 BLTTDS hay tại khoản 2 Điều 40 LTHADS đều qui định “*Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt thì VBTTDS có thể được giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với họ ...*”. Thực tế khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng không thể xác định được người nhận văn bản có phải là người có quan hệ thân thích cùng cư trú với người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo không vì không thể yêu cầu họ cho xem hộ khẩu gia đình hay một giấy tờ nào khác chứng minh. Người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng không xác định được người nhận đó có đủ năng lực hành vi dân sự không. Việc xác định họ là người thân thích cùng cư trú với người vắng mặt, hay có đủ năng lực hành vi dân sự đôi khi chỉ dựa vào việc người đó tự giới thiệu, hay do đánh giá chủ quan của người thực hiện mà không có cơ sở để xác định chính xác. Vì vậy, khi thực hiện việc giao các văn bản cho những người này rất dễ xảy ra việc thực hiện sai quy định, dẫn tới việc giải quyết các vụ việc không chính xác, vi phạm quy định pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người có liên quan.

Ngoài ra, người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú không phải trường hợp nào cũng có quan hệ gần gũi, thân thiết với người được cấp, tổng đạt, thông báo. Nhiều trường hợp, họ còn bất đồng hay có lợi ích đối lập đối với người được cấp, tổng đạt, thông báo. Do vậy, nếu nhờ những người này giao VBTTDS cho người được cấp, tổng đạt và thông báo sẽ không đảm bảo chắc chắn họ sẽ đưa lại. Vì vậy, việc pháp luật không quy định cụ thể trường hợp nào người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho người thân thích đủ năng lực hành vi cùng cư trú với người được cấp, tổng đạt và thông báo đôi khi sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích của người được cấp, tổng đạt, hoặc thông báo.

Một thực tế nữa, khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng, nhiều trường hợp người được cấp, tổng đạt và thông báo vắng mặt, họ cũng không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú nhưng lại có người giúp việc ở nhà thường xuyên, hoặc hàng xóm thân cận thường xuyên có quan hệ tốt với người đó có mặt. Nếu đưa các VBTTDS nhờ những người này cấp, tổng đạt và thông báo cho người được cấp, tổng đạt và thông báo thay thì hiệu quả thực hiện rất tốt, vì họ là những người gần cận với người được cấp, tổng đạt, thông báo, sẽ nắm bắt được thời gian những người này có nhà. Tuy nhiên luật lại không quy định việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thông qua những người này, dẫn đến làm mất đi một phương án hiệu quả để thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Thứ năm, tại khoản 3 Điều 152 BLTTDS quy định “Trong trường hợp việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo qua người khác thì người thực hiện phải lập biên bản ghi rõ việc người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt, VBTTDS đã được giao cho ai; lý do; ngày, giờ giao; quan hệ giữa họ với nhau; cam kết giao lại tận tay ngay VBTTDS cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Biên bản có chữ ký của người nhận chuyển VBTTDS và người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo, người chứng kiến.” [20]. Vấn đề ở đây đó là biên bản được lập ngoài chữ ký của người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo và người nhận chuyển VBTTDS thì điều luật còn quy định phải có chữ ký của người chứng kiến. Trong thực tế khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS việc chuyển giao được văn bản cho người khác nhận chuyển hộ vốn đã gặp rất khó khăn, vì nhiều lý do khác nhau. Việc pháp luật quy định biên bản chuyển giao này lại phải có người chứng kiến, càng tạo ra thêm những thủ tục bất lợi cho người thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo. Vì không phải trường hợp nào khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo người thực hiện cũng có thể nhờ được người chứng kiến ký vào văn bản chuyển giao này, nhất là khi việc cấp, tổng đạt và thông báo được thực hiện ở những nơi thưa dân cư. Hơn nữa, do tâm lý của nhiều người dân hiện nay là rất ngại va chạm với pháp luật, do vậy người dân khi được nhờ chứng kiến không chịu

chứng kiến hay ký nhận. Đành rằng, khi có người thứ 3 chứng kiến thì văn bản được thiết lập sẽ đáng tin cậy hơn. Tuy nhiên, về bản chất thì khi biên bản được thiết lập có chữ ký của người thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và chữ ký của người nhận chuyển giao nó đã thể hiện được tính khách quan trong đó. Chữ ký của mỗi người về cơ bản là không giống nhau. Khi ký nhận vào biên bản thì cả người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo và người nhận chuyển giao văn bản cũng đã đọc và ý thức được trách nhiệm của mình trong đó. Nếu xảy ra việc tranh cãi về việc chuyển giao này, Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS hoàn toàn có khả năng để chứng minh việc chuyển giao đó có đúng không, thông qua việc giám định chữ ký, chữ viết trong biên bản... Do vậy, việc quy định có người chứng kiến trong trường hợp này là không cần thiết.

Thứ sáu, đối với thủ tục niêm yết công khai: Thủ tục niêm yết công khai hiện nay cũng chỉ quy định đối với văn bản của Tòa án và Thi hành án. Trong khi đó, Viện kiểm sát cũng là một cơ quan ban hành văn bản tố tụng, và có nghĩa vụ phải thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, song pháp luật lại không quy định Viện kiểm sát có phải thực hiện niêm yết công khai văn bản. Tuy các văn bản của Viện kiểm sát ban hành không nhiều, tuy nhiên không phải trường hợp nào họ cũng có thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp. Vì vậy, việc pháp luật không quy định Viện kiểm sát được niêm yết công khai đối với các văn bản của mình, nhiều trường hợp đã gây ách tắc trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS của Viện kiểm sát.

Tại khoản 2 Điều 154 BLTTDS quy định về thủ tục niêm yết công khai yêu cầu niêm yết bản chính tại trụ sở Tòa án, UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo; niêm yết bản sao tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Việc quy định bản chính, bản sao như vậy là không có cơ sở khoa học, lại làm cho thủ tục niêm yết công khai thêm phần phức tạp, rườm rà; mất thời gian cho người ban hành văn bản và thực hiện niêm yết: khi thực hiện luôn phải định hình chỗ nào niêm yết bản sao, chỗ nào niêm yết bản chính, trong khi mục đích chính vẫn chỉ là thông báo cho người được cấp, tổng đạt và thông báo biết được nội dung văn bản đó.

Tại điểm c khoản 2 Điều 154 BLTTDS quy định khi thực hiện việc niêm yết công khai thì người thực hiện phải “*Lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết*”. [20]. Việc lập biên bản thường phải có ít nhất 2 người tham gia ký. Tuy nhiên, BLTTDS lại quy định rất chung chung, không xác định rõ cần phải có những ai ký biên bản. Điều này dẫn đến trong thực tế mỗi nơi đưa ra một cách làm khác nhau. (Ví dụ: Đối với việc niêm yết tại trụ sở Tòa án, có nơi thì hai cán bộ Tòa án ký biên bản, có nơi thì cán bộ Tòa án ký với một người nào đó...). Việc thực hiện không thống nhất.

Theo Điều 154 BLTTDS thủ tục niêm yết công khai lại chỉ quy định đối với đương sự là cá nhân mà thôi. Việc niêm yết công khai đối với cơ quan, tổ chức không được quy định. Thực tế khi thực hiện nhiều trường hợp tổng đạt trực tiếp đối với cơ quan, tổ chức không thể thực hiện. Tuy nhiên, việc không quy định cụ thể việc niêm yết công khai đối với trường hợp đương sự là cơ quan tổ chức nên đã gây ách tắc trong việc giải quyết các vụ việc liên quan.

Thứ bảy, các quy định pháp luật hiện nay về Thừa phát lại như Nghị định 61/2009/NĐ-CP hay Thông tư liên tịch số 09/2014/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC-BTC cũng chỉ quy định Thừa phát lại được thực hiện việc tổng đạt VBTTDS cho Tòa án, Cơ quan thi hành án. Trong khi một cơ quan tiến hành tố tụng là Viện kiểm sát cũng có nghĩa vụ ban hành và thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS lại không thấy quy định Thừa phát lại được thực hiện thay. Mặc dù về thực tế thì trong hoạt động tố tụng dân sự, số VBTTDS do Viện kiểm sát ban hành không nhiều. Tuy nhiên, trong thực hiện nhiệm vụ của mình Viện kiểm sát ngoài thực hiện nhiệm vụ theo tố tụng dân sự, thì các hoạt động liên quan đến lĩnh vực hình sự, hành chính cũng rất vất vả. Do vậy, việc pháp luật không quy định các văn bản của Viện kiểm sát có thể được Thừa phát lại thực hiện tổng đạt, đã hạn chế đi một cách thức tổng đạt hiệu quả đối với các văn bản của Viện kiểm sát.

Thứ tám, BLTTDS và LTHADS hiện nay quy định về thời hạn niêm yết và số lần thông báo nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng không thống

nhất, mặc dù ý nghĩa, mục đích ở các văn bản đều giống nhau. Điều đó đã gây ra sự mâu thuẫn trong các quy định. Gây hoài nghi cho người dân khi thực hiện các thủ tục này.

Thứ chín, hiện tại các quy định của pháp luật quy định quy định trách nhiệm ràng buộc cũng như chế tài đối với những người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo rất chung chung. Cụ thể, tại khoản 2 Điều 148 BLTTDS quy định “*Người có nghĩa vụ thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo và không làm đúng trách nhiệm của mình thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật*” [20]. Việc áp dụng quy định trên đối với người tiến hành tố tụng, người làm trong các cơ quan ban hành văn bản có thể thực hiện được, vì những chủ thể này do cơ quan ban hành văn bản trực tiếp. Tuy nhiên, đối với các chủ thể khác như đương sự, người đại diện của đương sự, người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của đương sự, UBND xã, phường, thị trấn, trưởng thôn, người thân thích cùng nơi cư trú với người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS... thì quy định này rất khó thực hiện trên thực tế vì không có sự ràng buộc về mặt tổ chức cũng như cơ chế để xử lý. Do vậy, khi Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS chuyển giao các VBTTDS cho tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú... và yêu cầu những người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt và thông báo thì nhiều trường hợp những người này không thực hiện, hoặc có thực hiện thì Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án cũng phải mất rất nhiều thời gian để động viên, thuyết phục họ thực hiện. Do đó, đã gây rất nhiều khó khăn cho công tác cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

3.1.2.2. Những hạn chế, bất cập trong hoạt động về cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng dân sự

Giai đoạn hiện nay các vụ việc dân sự, hôn nhân gia đình, lao động kinh doanh thương mại... các yêu cầu về thi hành án dân sự ngày càng gia tăng. Từ đó

dẫn đến yêu cầu ban hành VBTTDS và cấp, tổng đạt và thông báo các VBTTDS cũng ngày càng nhiều. Trong khi đó, hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chiếm rất nhiều thời gian trong mỗi vụ việc. Thông thường, đối với 01 vụ việc đơn giản không có tranh chấp nhiều cơ quan Tòa án cũng đã mất khoảng trên 10 lượt cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. (Ví dụ: đối với 1 vụ án ly hôn không có tranh chấp chỉ có nguyên đơn và bị đơn, thì các thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS gồm có: thông báo về việc nhận đơn khởi kiện, thông báo nộp tạm ứng án phí, thông báo về việc thụ lý (gửi cho bị đơn), tổng đạt giấy triệu tập (cho nguyên đơn và bị đơn) đến Tòa án làm bản tự khai, thông báo về phiên hòa giải (cho nguyên đơn và bị đơn), cấp biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành (cho nguyên đơn và bị đơn), cấp quyết định công nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành (cho nguyên đơn và bị đơn). Còn các cơ quan THADS thì cũng phải mất ít nhất trên dưới 5 lượt thông báo THA. Hàng năm, các cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án lại phải giải quyết rất nhiều vụ việc dân sự có tính chất phức tạp, với nhiều người tham gia tố tụng, nhiều công đoạn giải quyết; số lượt cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS mỗi vụ việc có thể lên đến hàng trăm lượt. Chính điều đó một phần đã gây ra sự quá tải trong việc giải quyết ở các Tòa án và cơ quan THADS hiện nay.

Ý thức pháp luật của người dân cũng có nhiều vấn đề phải bàn. Bên cạnh những cá nhân, tổ chức nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật liên quan đến hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, thì cũng còn nhiều người gây khó dễ đối với hoạt động này. Nhiều người khi được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS kiên quyết không chịu nhận văn bản, hoặc tìm cách trốn tránh, lẩn trốn gây khó khăn cho người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Có trường hợp người thân thích đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cũng không chịu nhận văn bản thay. Do đó, người thực hiện cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS phải thực hiện bằng các thủ tục niêm yết mất rất nhiều thời gian và công sức, đồng thời cũng ảnh hưởng đến thời gian để giải quyết các công việc khác của cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án.

Bên cạnh đó nhận thức của một số cán bộ thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay còn hạn chế. Theo quy định của pháp luật hiện nay thì ngoài Thẩm phán, Thư ký, Kiểm sát viên, Chấp hành viên, Thừa phát lại... là những người được đào tạo bài bản và nắm chắc về nghiệp vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì một số chủ thể như UBND xã (phường), trưởng thôn (khu dân cư), tổ trưởng dân phố, công an xã, cán bộ bưu điện... cũng có thể thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Phần lớn cán bộ ở những cơ quan này không được đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Vì vậy, chất lượng thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS không cao. (Ví dụ: Không biết lập hoặc lập biên bản làm việc không đầy đủ, rõ ràng; khi gặp các tình huống vướng mắc thì họ không biết xử lý...). Vì vậy, nhiều trường hợp Tòa án, Viện kiểm sát, Thi hành án thường phải thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo lại, gây mất thời gian và chi phí cho việc giải quyết các vụ việc.

Ngoài ra, hiện nay ở một số ngành, địa phương, do nhận thức quy định pháp luật ở mỗi nơi một khác. Vì vậy, thường đưa ra những hướng dẫn mang tính chủ quan, không dựa trên cơ sở quy định pháp luật về cấp, tổng đạt. (Ví dụ: Có nơi đối với thủ tục tổng đạt trực tiếp ngoài trụ sở yêu cầu phải có dấu xác nhận của địa phương mới được coi là hợp lệ...). Do vậy, việc thực hiện hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo lại càng thêm phức tạp hơn, mất nhiều thời gian hơn.

Một vấn đề nữa ảnh hưởng đến hoạt động, cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trong giai đoạn hiện nay đó là ý thức, trách nhiệm của một số người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo còn hạn chế. Người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS đôi khi làm qua loa, không hết trách nhiệm. Do vậy, có trường hợp dẫn tới việc cấp, tổng đạt và thông báo nhầm lẫn đối tượng được cấp, tổng đạt, thông báo; có trường hợp cấp, tổng đạt và thông báo sót... Từ đó, ảnh hưởng chất lượng giải quyết các vụ việc, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Nhìn chung, nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện các quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự hiện nay chủ yếu vẫn là từ các quy định pháp luật chưa phù hợp với thực tế. Bên cạnh đó, ý thức pháp luật và nhận thức của một số cán bộ, người dân chưa cao đã gây khó khăn cho công tác cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng dân sự.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM NÂNG CAO HIỆU QUẢ CẤP, TỔNG ĐẠT VÀ THÔNG BÁO VĂN BẢN TỐ TỤNG DÂN SỰ

3.2.1. Kiến nghị về hoàn thiện pháp luật cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự

Để nhiệm vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được thực hiện tốt, thì cần phải có quy định phù hợp. Hiện nay, các quy định pháp luật về cơ bản đã phần nào đáp ứng được nhu cầu của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Tuy nhiên, bên cạnh đó hiện nay vẫn còn tồn tại những mặt hạn chế như đã phân tích ở trên. Vì vậy, để khắc phục những mặt hạn chế ở trên, pháp luật cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cần phải sửa đổi, bổ sung một số quy định sau:

Thứ nhất, cần bổ sung thêm vào khoản 3 Điều 51 BLTTDS: “*Các quyết định thay đổi người tiến hành tố tụng, quyết định cử người tiến hành tố tụng thay thế phải được chuyển cho các đương sự, người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ khi ra quyết định*”. Quy định này nhằm đảm bảo quyền được cấp, tổng đạt và thông báo quyết định thay đổi Kiểm sát viên, quyết định cử Kiểm sát viên thay thế của những người tham gia tố tụng, để từ đó họ biết được Kiểm sát viên tham gia tố tụng trong vụ án là ai và thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật đối với Kiểm sát viên (như quyền yêu cầu thay đổi Kiểm sát viên...).

Thứ hai, cần quy định cụ thể thời hạn phải chuyển VBTTDS của các cơ quan tiến hành tố tụng của BLTTDS như Điều 186, Điều 195, Điều 253, Điều 290... BLTTDS, không sử dụng thuật ngữ “gửi ngay” để tránh không rõ ràng, hiểu không thống nhất và cũng dễ dàng hơn để quy trách nhiệm cho cán bộ thực hiện việc gửi

muộn VBTT, tránh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của của người được nhận văn bản.

Thứ ba, cần bổ sung thêm vào Điều 152 BLTTDS “Tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc, Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú khi được Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS yêu cầu chuyển giao VBTTDS thì không được từ chối. Khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS được cơ quan Tòa án, Viện kiểm sát, cơ quan THADS thanh toán chi phí đi lại theo quy định pháp luật”. Việc quy định này sẽ góp phần nâng cao trách nhiệm của các cán bộ địa phương khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS khi được cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án yêu cầu; hạn chế được cơ chế nhờ vả của cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án đối với các cấp chính quyền địa phương. Đồng thời cũng tạo cơ sở để chi trả kinh phí cho những người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, tránh hiện tượng “ăn cơm nhà vác tù và hàng tổng” của các cán bộ thôn, xã. Tạo động lực để các cán bộ địa phương thực hiện có trách nhiệm hơn đối với hoạt động này.

Thứ tư, đối với thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp cho cá nhân: Cần bổ sung quy định tại Khoản 2 Điều 152 BLTTDS “Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt thì VBTTDS có thể được giao cho người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú, không có lợi ích đối lập với họ ký nhận và yêu cầu người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Ngày ký nhận của người thân thích cùng cư trú được coi là ngày được cấp, tổng đạt hoặc thông báo.

Trong trường hợp người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú hoặc có nhưng họ không chịu nhận hộ VBTTDS thì có thể chuyển giao văn bản đó cho người khác cùng cư trú hoặc hàng xóm của người được cấp, tổng đạt và thông báo không có lợi ích đối lập với người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo hoặc tổ trưởng tổ dân phố, trưởng thôn, làng, ấp, bản, khóm, buôn, phum, sóc (sau đây gọi chung là tổ trưởng tổ dân

phó), Ủy ban nhân dân, công an xã, phường, thị trấn nơi người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo cư trú và yêu cầu những người này cam kết giao lại tận tay ngay cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo”.

Việc quy định như vậy sẽ đảm bảo khả năng VBTTDS sẽ VBTTDS đến người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cao hơn. Đồng thời cũng mở ra một hướng mới cho người trực tiếp thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo. Đó là khi người được cấp, tổng đạt và thông báo vắng mặt, không có người thân thích có đủ năng lực hành vi dân sự cùng cư trú với người đó, thì người thực hiện có thể giao văn bản đó cho người giúp việc, hoặc hàng xóm của người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để những người này giao lại cho người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Quy định này cũng không khẳng định việc cấp, tổng đạt và thông báo đó đã hoàn thành. Mà nó chỉ hoàn thành khi người được nhờ giao đó hoàn tất việc giao cho người được cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS theo quy định.

Thứ năm, cần sửa khoản 3 Điều 152 BLTTDS không cần quy định bắt buộc biên bản phải có chữ ký của người chứng kiến khi lập biên bản giao VBTTDS cho người khác thực hiện thay, mà chỉ cần quy định “Trong trường hợp việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo qua người khác thì người thực hiện phải lập biên bản ghi rõ việc người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo vắng mặt, VBTTDS đã được giao cho ai; lý do; ngày, giờ giao; quan hệ giữa họ với nhau; cam kết giao lại tận tay ngay VBTTDS cho người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo. Biên bản có chữ ký của người nhận chuyển VBTTDS và người thực hiện việc cấp, tổng đạt hoặc thông báo.” Quy định như vậy sẽ giúp cho thủ tục cấp, tổng đạt và thông báo đơn giản và dễ thực hiện hơn mà vẫn giữ được giá trị pháp lý của biên bản.

Thứ sáu, đối với thủ tục niêm yết công khai cần sửa đổi khoản 2 Điều 154 BLTTDS thành “Việc niêm yết công khai VBTTDS do cơ quan ban hành văn bản trực tiếp thực hiện hoặc Ủy quyền cho UBND cấp xã nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo thực hiện việc niêm yết công khai VBTTDS tại trụ sở cơ quan ban hành văn bản, UBND cấp xã nơi cư trú hoặc

nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo và thực hiện niêm yết tại nơi cư trú hoặc nơi cư trú cuối cùng của người được cấp, tổng đạt hoặc thông báo”.

Quy định như vậy, sẽ giúp cho các văn bản của Viện kiểm sát cũng có thể thực hiện việc niêm yết công khai khi không thể thực hiện được việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS trực tiếp. Đồng thời cũng giúp thủ tục niêm yết đỡ phức tạp hơn khi người thực hiện không phải cân nhắc nơi nào niêm yết bản chính, nơi nào niêm yết bản sao. Góp phần vào việc nâng cao hiệu quả của hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Đối với thủ tục niêm yết công khai, cũng cần phải bổ sung quy định tại điểm c khoản 2 Điều 154 BLTTDS thành *“Lập biên bản về việc thực hiện thủ tục niêm yết công khai, trong đó ghi rõ ngày, tháng, năm niêm yết, có chữ ký của người thực hiện việc niêm yết, người chứng kiến và xác nhận của UBND cấp xã nơi niêm yết trong trường hợp niêm yết ngoài trụ sở cơ quan ban hành văn bản”*. Việc sửa đổi như vậy để tránh quy định chung chung hiện nay của BLTTDS, khắc phục tình trạng thực hiện không thống nhất ở các cơ quan, nhưng không có cơ quan nào sai.

BLTTDS và LTHADS cũng cần bổ sung thêm quy định về việc niêm yết công khai đối với trường hợp đương sự là cơ quan, tổ chức, để giúp khắc phục tình trạng cấp, tổng đạt và thông báo trực tiếp đối với cơ quan, tổ chức không thể thực hiện như hiện nay. Nhưng không có biện pháp nào khác để thực hiện.

Thứ bảy, đối với hoạt động của Thừa phát lại cần phải bổ sung thêm phạm vi, thẩm quyền của Thừa phát lại trong việc thực hiện tổng đạt VBTTDS. Để Thừa phát lại có thẩm quyền tổng đạt VBTTDS của cả Tòa án, Thi hành án và Viện kiểm sát, không chỉ tổng đạt các văn bản của Tòa án và Thi hành án như hiện nay. Giúp cho hoạt động của Thừa phát lại thêm hoàn thiện, giảm bớt công việc cấp, tổng đạt và thông báo cho các cơ quan tiến hành tố tụng để tập trung vào các hoạt động chuyên môn khác.

Thứ tám, theo quy định tại khoản 3 Điều 154, khoản 2 Điều 155 BLTTDS và khoản 3 Điều 42, khoản 2 Điều 43 LTHADS hiện nay thì thời hạn niêm yết và số

lần thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ở hai văn bản quy phạm này lại không thống nhất, mặc dù ý nghĩa, mục đích và cơ sở để quy định đều giống nhau. Do vậy, cần quy định thời hạn niêm yết và số lần thực hiện việc thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng ở hai loại văn bản này giống nhau để đảm bảo tính khoa học trong việc xây dựng các quy định pháp luật.

Trên đây là một số kiến nghị nhằm khắc phục những vướng mắc thực tế đang diễn ra hiện nay khi áp dụng các quy định của pháp luật TTDS cần được nghiên cứu để sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

3.2.2. Kiến nghị về thực hiện pháp luật cấp, tổng đạt và thông báo các văn bản tố tụng dân sự

Để công tác cấp, tổng đạt, thông báo, văn bản quy phạm pháp luật ngày càng tốt hơn, bên cạnh việc củng cố, xây dựng hoàn thiện các quy định pháp luật, thì trong thực hiện pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS chúng ta cũng cần phải chú trọng các vấn đề sau:

Thứ nhất, cần tăng cường công tác phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Hoạt động này không chỉ thực hiện đối với người dân, mà trước tiên là phải thực hiện đối với chính những người thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo văn bản tố tụng. Để thực hiện được việc đó, các cấp, ngành cần chú trọng công tác tập huấn nghiệp vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho những cán bộ làm công tác này, để họ nắm bắt và hiểu rõ các quy định của pháp luật, cũng cách xử lý các tình huống khi thực hiện. Đối với người dân chúng ta cần thực hiện biện pháp phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật thông qua các phương tiện thông tin đại chúng của trung ương cũng như địa phương. Tăng cường tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về pháp luật để có thể thu hút được nhân dân; mở các buổi tọa đàm có sự chứng kiến của nhiều người dân để giải đáp các quy định pháp luật, đồng thời xen kẽ, lồng ghép việc giải thích các quy định pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để người dân hiểu biết thêm về quyền, nghĩa vụ của người dân trong các hoạt động này. Ngoài ra, việc phổ biến, tuyên truyền, giáo dục pháp luật về hoạt động này cũng cần được triển khai thực hiện vào

các trường học thông qua các buổi ngoại khóa... Vì trẻ em chính là tương lai của đất nước, việc xây dựng được ý thức pháp luật cho các em chính là một sự đầu tư lâu dài cho thế hệ mai sau.

Thứ hai, bên cạnh việc tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật thì chúng ta cũng cần tăng cường quản lý, chỉ đạo, giám sát hoạt động của các cán bộ ở các cấp, trong việc thực hiện các quy định pháp luật về hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để nâng cao trách nhiệm của các cán bộ, công chức, viên chức trong việc tuân thủ các quy định pháp luật. Không để tình trạng hướng dẫn, chỉ đạo trái với quy định pháp luật, dẫn đến tình trạng mỗi nơi hướng dẫn một kiểu, gây khó khăn trong việc thực hiện nhiệm vụ cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS.

Thứ ba, cần hỗ trợ kinh phí, tạo điều kiện hơn về vật chất cho các cán bộ thực hiện công tác cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, nhất là đối với các cán bộ địa phương (tổ trưởng dân phố, công an xã,...). Vì hiện tại các quy định phụ cấp đối với các cán bộ cơ sở thường rất thấp, trong khi các quy định về kinh phí để hỗ trợ đối với những cán bộ này khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS thì không được đề cập đến. Các chi phí để thực hiện việc cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS do cơ quan tiến hành tố tụng nhờ vẫn do họ phải trực tiếp bỏ ra, do vậy việc hỗ trợ kinh phí đối với các đối tượng này sẽ góp phần để giảm bớt gánh nặng, tạo động lực họ nhiệt tình hơn đối với hoạt động này.

Thứ tư, để giảm bớt gánh nặng trong hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cho các cơ quan tiến hành tố tụng, thi hành án, cần tăng cường triển khai, mở rộng hơn nữa đối với hoạt động của Thừa phát lại, nhất là đối với những địa phương mà các vụ việc cần giải quyết của Tòa án và thi hành án nhiều. Vì hiện tại một số nơi hoạt động của tòa án, cơ quan THADS bị quá tải, nhất là đối với việc cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS. Do vậy, việc triển khai mở rộng hơn nữa đối với hoạt động của Thừa phát lại sẽ góp phần vào việc giảm tải cho các hoạt động của Tòa án, cơ quan THADS. Nó cũng tạo điều kiện cho Tòa án, cơ quan THADS tập trung và làm tốt hơn đối với các hoạt động chuyên môn khác như xét xử, thi hành án.

Thứ năm, các cơ quan, ban, ngành khi thực hiện việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS cần tăng cường việc tiếp thu và rút kinh nghiệm, tìm ra các biện pháp thực hiện sáng tạo, phù hợp với quy định pháp luật để triển khai áp dụng mở rộng ra trong thực tiễn. Đồng thời cũng cần nghiên cứu các cách thức cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS mới, hiệu quả hơn để đề xuất xem xét bổ sung vào các quy định của pháp luật hiện nay cho phù hợp với thực tiễn.

Tóm lại, các quy định về cấp, tổng đạt, thông báo VBTTDS hiện nay về cơ bản đã đáp ứng được điều kiện, tình hình nước ta hiện nay. Tuy nhiên, một số quy định vẫn còn thể hiện sự bất cập và chưa đầy đủ. Thực tiễn áp dụng các quy định về cấp, tổng đạt, thông báo văn bản tố tụng còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc. Các giải pháp kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định hiện hành là rất cần thiết nhằm khắc phục những vấn đề còn tồn tại của chế định này.

KẾT LUẬN

Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS giữ vai trò rất quan trọng trong hoạt động tổ tụng dân sự hiện nay. Nó là mắt xích liên kết giữa cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS với những cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc dân sự. Thông qua hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan THADS báo được cho cá nhân, cơ quan, tổ chức liên quan đến vụ việc dân sự những thông tin cần thiết liên quan đến quyền và nghĩa vụ của họ để họ biết và thực hiện, qua đó bảo vệ được quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Cũng thông qua hoạt động này các hoạt động tố tụng được đảm bảo diễn ra công khai, minh bạch, dân chủ. Ngoài ra, việc thực hiện tốt hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS có ý nghĩa rất lớn đối với việc đẩy nhanh tiến độ giải quyết các vụ việc dân sự, góp phần vào việc ổn định tình hình chính trị và phát triển đất nước.

Trên cơ sở phạm vi đã xác định, quá trình nghiên cứu, luận văn đã giải quyết về cơ bản và toàn diện các vấn đề lý luận về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS và đã đạt được một số kết quả như: Đưa ra được khái niệm về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS, xác định ý nghĩa của hoạt động này; đồng thời cũng đưa ra được cơ sở của việc pháp luật quy định và các yêu cầu của việc cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS; sơ lược lịch sử phát triển của các quy định pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS từ năm 1945 đến nay. Bên cạnh đó, luận văn đi sâu vào phân tích thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS. Đồng thời, nghiên cứu việc thực hiện các quy định này trong thực tế; đánh giá và chỉ ra những thiếu sót, hạn chế trong các quy định pháp luật cũng như trong việc thực hiện các quy định này. Qua đó, đề xuất một số kiến nghị sửa đổi, bổ sung quy định của pháp luật về cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS để hoàn thiện pháp luật.

Trên đây là những kết luận rút ra từ quá trình nghiên cứu đề tài “Cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS dân sự”. Kết quả nghiên cứu đề tài hy vọng góp một phần nhỏ về mặt lý luận cũng như thực tiễn nhằm hoàn thiện hơn đối với hoạt động cấp, tổng đạt và thông báo VBTTDS hiện nay./.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Công Bình (chủ biên), *Giáo trình Luật tố tụng dân sự Việt Nam*, Trường Đại học luật Hà Nội, Nhà xuất bản Công an nhân dân, Hà Nội năm 2010;
2. Trương Hòa Bình, *Báo cáo Tổng kết công tác năm 2012 và nhiệm vụ trọng tâm công tác năm 2013 của ngành Tòa án nhân dân*, Tòa án nhân dân Tối cao năm 2013;
3. Bộ Tư pháp, *Thông tư số 03/2009/TT-BTP ngày 30 tháng 9 năm 2009 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện một số quy định về các công việc của Thừa phát lại, về giải quyết một số vấn đề phát sinh khi các văn phòng Thừa phát lại giải thẻ, chấm dứt hoạt động, về mẫu biểu nghiệp vụ của các văn phòng Thừa phát lại và quản lý thẻ Thừa phát lại*;
4. Bộ Tư pháp, *Thông tư 09/2011/TT-BTP ngày 30/5/2011 của Bộ tư pháp về việc ban hành và hướng dẫn việc quản lý, sử dụng các loại biểu mẫu nghiệp vụ thi hành án*;
5. Bộ Tư pháp, TANDTC, Bộ Tài chính, *Thông tư liên tịch số 12/2010/TTLT-BTP-TANDTC-BTC ngày 24 tháng 6 năm 2010 hướng dẫn một số nội dung liên quan đến chi phí thực hiện công việc của Thừa phát lại và chế độ tài chính đối với văn phòng Thừa phát lại*;
6. Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC, *Thông tư liên tịch số 13/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 7 tháng 7 năm 2010 hướng dẫn một số nội dung về thủ tục thực hiện công việc của Thừa phát lại*;
7. Bộ Tư pháp, TANDTC, VKSNDTC, *Thông tư liên tịch số 14/2010/TTLT-BTP-TANDTC-VKSNDTC ngày 26/7/2010 hướng dẫn một số vấn đề về thủ tục THADS và phối hợp liên ngành trong thi hành án dân sự*;

8. Chính phủ, *Báo cáo tổng kết thực hiện thí điểm chế định Thừa phát lại theo Nghị quyết số 24/2008/QH12 ngày 14/11/2008 của Quốc hội, năm 2012;*
9. Chính phủ, *Nghị định số 58/2009/NĐ-CP ngày 13/7/2009;*
10. Chính phủ, *Nghị định số 125/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 sửa đổi, đổi bổ sung nghị định số 58/2009/NĐ-CP;*
11. Chính phủ, *Nghị định số 61/2009/NĐ-CP ngày 24/7/2009 về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại thực hiện thí điểm tại thành phố Hồ Chí Minh;*
12. Chính phủ, *Nghị định số 135/2013/NĐ-CP ngày 18/10/2013 sửa đổi bổ sung Nghị định 61;*
13. Đại diện toàn quyền Chủ tịch nước Việt Nam, Chủ tịch nước Tiệp Khắc, *Hiệp định tương trợ tư pháp và pháp lý về dân sự và hình sự giữa nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp Khắc, năm 1982;*
14. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết 08 – NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới, Hà nội năm 2002;*
15. Đảng cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 2.6.2005 của Bộ chính trị, Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020, Hà Nội năm 2005;*
16. Nguyễn Thị Lan, *Thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt VBTTDS, khóa luận tốt nghiệp trường đại học Luật Hà Nội năm 2010;*
17. Trần Thị Nguyệt, *Thủ tục cấp, thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng, khóa luận tốt nghiệp trường Đại học Luật Hà Nội năm 2012;*

18. NXB Khoa học, *Biện chứng của nhận thức khoa học*, Moskva năm 1978, Tr.354-372;
19. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ Việt Nam, *Hiến pháp nước cộng hòa xã hội chủ Việt Nam*, Hà nội năm 1946, 1959, 1980, 1992;
20. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *BLTTDS*, Hà Nội năm 2004;
21. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của BLTTDS*, Hà Nội năm 2011;
22. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *LTHADS*, Hà Nội năm 2008;
23. Quốc hội nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Nghị quyết số 36/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 về việc tiếp tục thực hiện thí điểm chế định thừa phát lại đồng thời mở rộng phạm vi thí điểm ra các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương*;
24. Đèo Thị Thùy, *Cấp, thông báo, tổng đạt VBTTDS - Thực tiễn thực hiện tại tỉnh Sơn La*, Luận văn thạc sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội năm 2013;
25. Tòa án nhân dân tối cao, *Thông tư số 53/TATC*, Hà Nội năm 1977;
26. Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 03/HĐTP*, Hà Nội năm 1990;
27. Tòa án nhân dân tối cao, *Nghị quyết số 03/HĐTP*, Hà Nội năm 2012;
28. Trung tâm từ điển học, *Từ điển tiếng Việt*, Nhà xuất bản Đà Nẵng, Hà Nội năm 2009;
29. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh THADS*, Hà nội năm 1989, 1993, 2004;

30. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án dân sự*, Hà nội năm 1989;
31. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án kinh tế*, Hà nội năm 1994;
32. Ủy ban thường vụ Quốc hội, *Pháp lệnh thủ tục giải quyết các tranh chấp lao động*, Hà nội năm 1996;